

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VĂN PHÒNG**

*

Số 19857-CV/VPTW

*V/v triển khai Đề án thực hiện thủ tục
hành chính của Đảng trên môi trường điện tử*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Kính gửi: - Đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các cơ quan đảng ở Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,*

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của đồng chí Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng đối với Đề án thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử (sau đây gọi là *Đề án*), như sau:

1. Đồng ý với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai tại Đề án thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng để làm cơ sở triển khai thống nhất trong toàn hệ thống các cơ quan, tổ chức đảng (*Đề án xin gửi kèm theo*).

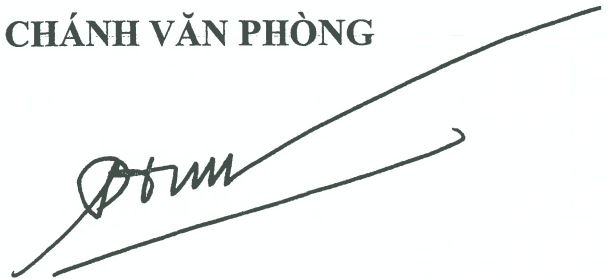
2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng, triển khai Dự án theo lộ trình đã đề ra; theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả triển khai Đề án.

Văn phòng Trung ương Đảng thông báo để các cơ quan biết, phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thành viên Ban Chỉ đạo
Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Tổng Bí thư (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ,
- Các đơn vị trực thuộc
Văn phòng Trung ương Đảng,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Gia Túc

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG



ĐỀ ÁN

**THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐẢNG
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Hà Nội, tháng 12/2025

MỤC LỤC

I- CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	4
1. Chủ trương, định hướng về chuyển đổi số và thủ tục hành chính của Đảng.....	4
2. Khung pháp lý của Nhà nước và các quy định của Đảng	5
2.1. Khung pháp lý của Nhà nước.....	6
2.2. Các quy định của Đảng	6
2.3. Giá trị của khung pháp lý đối với Đề án	7
3. Đánh giá thực trạng hiện nay.....	7
3.1. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng.....	7
3.2. Đánh giá triển khai thí điểm thủ tục hành chính của Đảng tại Thành ủy Hà Nội.....	9
3.3. Đánh giá chung về thực trạng giải quyết thủ tục hành chính trong khối Đảng	12
3.4. Khó khăn, hạn chế	13
II- NỘI DUNG ĐỀ ÁN.....	16
1. Mục tiêu tổng quát	16
2. Mục tiêu cụ thể, yêu cầu	16
2.1. Mục tiêu cụ thể.....	16
2.2. Yêu cầu.....	17
3. Phạm vi Đề án	17
4. Giải pháp thực hiện.....	18
4.1. Về thể chế.....	18
4.2. Về công nghệ.....	19
4.3. Về công tác tuyên truyền.....	26
4.4. Về nguồn lực, kinh phí	26
4.5. Giải pháp về kiểm tra, giám sát.....	28
5. Kế hoạch bàn giao, tiếp nhận và quản lý hệ thống	29
5.1. Bàn giao hệ thống từ nhà cung cấp dịch vụ	29
5.2. Tiếp nhận và tổ chức quản lý vận hành.....	29
5.3. Bảo trì, duy tu và bảo đảm an toàn hệ thống.....	30
III- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	30
1. Kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội	30
1.1. Kinh tế	30

1.2. Chính trị.....	32
1.3. Văn hóa - xã hội	32
2. Thể chế.....	33
2.1. Thúc đẩy hoàn thiện thể chế.....	33
2.2 Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ	33
2.3. Tăng cường liên thông, phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị	33
2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của Đảng	33
3. Môi trường	33
3.1. Giảm thiểu sử dụng giấy, bảo vệ môi trường	33
3.2. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên	34
4. Đánh giá chung	34
IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI.....	35
1. Tổ chức thực hiện	35
1.1. Văn phòng Trung ương Đảng.....	35
1.2. Các cơ quan, tổ chức Đảng	36
1.3. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng	38
2. Lộ trình triển khai.....	39
2.1. Giai đoạn 1: Triển khai thí điểm (Quý III/2025 đến Quý I/2026).....	39
2.2. Giai đoạn 2: Rà soát và lựa chọn triển khai các thủ tục hành chính của Đảng (Quý I/2026 đến Quý II/2027).....	39
2.3. Giai đoạn 3: Tiếp tục rà soát, bổ sung, lựa chọn triển khai các thủ tục hành chính (Quý III/2027 đến năm 2030).....	41
PHỤ LỤC I: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HÀ NỘI.....	42
PHỤ LỤC II: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐẢNG	58

ĐỀ ÁN

Thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử
(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ-VPTW, ngày ... /... /2025
của Văn phòng Trung ương Đảng)

I- CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chủ trương, định hướng về chuyển đổi số và thủ tục hành chính của Đảng

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt để phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước, tiêu biểu, bao gồm: Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khoá XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế xác định “*Công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...*”; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề cập “*Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số*”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chủ trương “*Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số*”. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đề ra quan điểm chỉ đạo “*chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”; Nghị quyết số 131/NQ-CP, ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp xác định quan điểm “*Đẩy mạnh xây dựng các hệ thống thông tin, sử dụng tài nguyên thông tin, dữ liệu thiết thực, hiệu quả, có tính kết nối, liên thông cao phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp*”.

Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó một trong những giải pháp trọng tâm của việc đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị “*Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch*

vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu”. Tiếp đó, ngày 09/7/2025, Ban Bí thư ban hành Quy định số 338-QĐ/TW về thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử. Đây là dấu mốc pháp lý lần đầu tiên quy định thống nhất về thủ tục hành chính của Đảng, chuyển mạnh từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử, chữ ký số và định danh điện tử; xác lập giá trị pháp lý của hồ sơ, giao dịch điện tử; chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong toàn Đảng theo các nguyên tắc công khai, minh bạch, lấy tổ chức đảng và đảng viên làm trung tâm phục vụ; bảo đảm an toàn, bảo mật và tăng cường chia sẻ, liên thông dữ liệu.

Để tổ chức thực thi đồng bộ Quy định số 338-QĐ/TW, Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 15/10/2025 về công bố, công khai và cập nhật thủ tục hành chính của Đảng. Trong đó đã quy định cụ thể trách nhiệm, quy trình nội bộ, biểu mẫu, thành phần hồ sơ, thời gian xử lý và chế độ công khai thủ tục hành chính của Đảng là căn cứ quan trọng để triển khai thống nhất trong toàn hệ thống chính trị của Đảng.

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, chuyển đổi số trong Đảng được xác định là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong tình hình mới. Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin hay triển khai các giải pháp kỹ thuật, mà là phương thức đổi mới căn bản lề lối làm việc, phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành của Đảng, gắn với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, hiện đại. Việc xây dựng và triển khai Đề án phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông và kế thừa với các nền tảng số, hệ thống thông tin của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; tránh đầu tư phân tán, chồng chéo; phát huy hiệu quả nguồn lực, dữ liệu và hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và triển khai Đề án thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử (sau đây gọi tắt là Đề án) là yêu cầu cấp thiết nhằm cụ thể hóa Quy định số 338-QĐ/TW và Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, bảo đảm tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong toàn hệ thống tổ chức của Đảng; góp phần xây dựng nền hành chính Đảng hiện đại, công khai, minh bạch và dựa trên dữ liệu. Đề án có ý nghĩa chiến lược, nhằm bảo đảm sự thống nhất trong triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo Quy định số 338-QĐ/TW, đồng thời đưa chủ trương chuyển đổi số trong Đảng nhanh chóng đi vào thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ tổ chức đảng, đảng viên trên phạm vi toàn quốc. Việc thực hiện thủ tục hành chính của Đảng phải được coi là một trong những khâu đột phá trọng tâm để hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức đảng và đảng viên.

2. Khung pháp lý của Nhà nước và các quy định của Đảng

Tiếp nối các quan điểm chỉ đạo của Trung ương, việc triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử được đặt trong một khuôn khổ pháp lý đầy

đủ, đồng bộ và ngày càng hoàn thiện, bao gồm hệ thống pháp luật của Nhà nước và các quy định, hướng dẫn của Đảng. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm Đề án được tổ chức thực hiện đúng pháp luật, thống nhất, an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện trong công tác Đảng.

2.1. Khung pháp lý của Nhà nước

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước đã bao quát toàn diện các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến việc số hóa và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, tập trung vào các nhóm vấn đề:

- Bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu số.
- Giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử; cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Đầu tư công, quản lý ngân sách, mua sắm và thuê dịch vụ công nghệ thông tin.
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu, quản trị dữ liệu và vận hành các hệ thống thông tin trong hệ thống chính trị.

Các văn bản pháp luật tiêu biểu của Nhà nước gồm: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14; Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; cùng các nghị quyết, nghị định, quyết định quan trọng của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đầu tư công nghệ thông tin, an toàn thông tin và kết nối, chia sẻ dữ liệu (Nghị quyết số 131/NQ-CP năm 2022; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; Nghị định số 137/2024/NĐ-CP; Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; Quyết định số 274/QĐ-TTg năm 2019...).

2.2. Các quy định của Đảng

Song song với hệ thống pháp luật của Nhà nước, Đảng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, mang tính định hướng và quy phạm, tạo hành lang pháp lý thống nhất cho việc chuẩn hóa, số hóa và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính của Đảng. Các văn bản nổi bật gồm:

- Quy định số 338-QĐ/TW, ngày 09/7/2025 của Ban Bí thư về thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử là văn bản pháp lý trung tâm, trực tiếp làm căn cứ xây dựng Đề án;
- Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;
- Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 26/4/2025 ban hành Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, phiên bản 3.0;

- Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 07/11/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về công bố, công khai, cập nhật và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

2.3. Giá trị của khung pháp lý đối với Đề án

- Hệ thống văn bản nêu trên đã thiết lập hành lang pháp lý rõ ràng, thống nhất và đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi để triển khai mô hình giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo hướng tập trung, thống nhất, liên thông, an toàn và dựa trên dữ liệu; là căn cứ trực tiếp và toàn diện để xây dựng Đề án.

- Đề án tạo cơ sở xây dựng nền hành chính Đảng hiện đại, công khai, minh bạch và dựa trên dữ liệu, thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cấp ủy; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong Đảng và phục vụ tốt hơn tổ chức đảng, đảng viên trong bối cảnh mới.

3. Đánh giá thực trạng hiện nay

Trong những năm qua, các cơ quan đảng từ Trung ương đến địa phương đã quan tâm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và từng bước tin học hóa một số quy trình nghiệp vụ. Nhiều hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành đã được xây dựng và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, văn thư lưu trữ, quản lý cán bộ, đảng viên và xử lý đơn thư. Các tỉnh ủy, thành ủy đã ban hành nhiều Nghị quyết, Đề án, Chương trình chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, tạo chuyển biến bước đầu về nhận thức và phương thức làm việc số.

Tuy nhiên, việc triển khai thủ tục hành chính của Đảng vẫn còn nhiều hạn chế, chủ yếu do chưa có quy định thống nhất về thủ tục hành chính của Đảng. Các hệ thống thông tin còn phân tán, thiếu liên thông, chưa hình thành một nền tảng tập trung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình chuẩn hóa. Công tác công bố, công khai thủ tục hành chính chưa đồng bộ; dữ liệu chưa được cập nhật đầy đủ; quy trình xử lý giữa các cơ quan, cấp ủy còn có sự khác biệt; một số thủ tục vẫn xử lý thủ công, hồ sơ giấy. Những hạn chế này ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng phục vụ tổ chức đảng và đảng viên; chưa đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch, nhanh chóng và dựa trên dữ liệu theo tinh thần Quy định số 338-QĐ/TW.

Việc đánh giá khách quan, đầy đủ thực trạng triển khai thủ tục hành chính của Đảng là cần thiết nhằm nhận diện rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và các yếu tố tác động; làm cơ sở đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp triển khai Đề án hiệu quả, thống nhất trong toàn hệ thống Đảng. Cụ thể như sau:

3.1. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng

a) Hạ tầng kỹ thuật

Mạng thông tin diện rộng của Đảng được xây dựng trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm băng thông và độ sẵn sàng cao, phục vụ trao đổi văn

bản, xử lý tài liệu mật và kết nối thông suốt từ Trung ương đến địa phương. Hầu hết các cơ quan Đảng đã được kết nối Internet, triển khai mạng LAN và hệ thống wifi phục vụ tác nghiệp; hệ thống hội nghị trực tuyến đã phủ kín Trung ương, tỉnh/thành và nhiều địa phương mở rộng đến cấp xã. Trung tâm dữ liệu dùng chung của Văn phòng Trung ương Đảng đang được vận hành ổn định và dự kiến tích hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia vào năm 2026. Nhiều tỉnh ủy, thành ủy đã hình thành trung tâm tích hợp dữ liệu địa phương, góp phần chuẩn hóa kết nối, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu. Trục tích hợp dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng được triển khai tại Trung ương, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia, hỗ trợ gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan Đảng và các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Hệ thống thông tin và phần mềm ứng dụng

Nhiều hệ thống thông tin dùng chung đã được triển khai, như hệ thống điều hành tác nghiệp, cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng, hệ thống quản lý tài liệu số hóa lưu trữ. Một số hệ thống chuyên ngành cũng được ứng dụng rộng rãi, gồm: hệ thống quản lý đảng viên và cán bộ; các phần mềm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; hệ thống tuyên giáo, dân vận như VCNet, hệ thống thăm dò dư luận xã hội trực tuyến, cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học; các hệ thống của ngành Tổ chức xây dựng Đảng (cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0, quản lý cán bộ, thống kê số liệu cơ bản). Một số địa phương đã phát triển phần mềm nội bộ và ứng dụng di động phục vụ quản lý, tra cứu thông tin. Công tác ký số, phát hành văn bản điện tử được đẩy mạnh, nhiều cấp ủy công khai văn bản ký số trên cổng thông tin điện tử, góp phần tăng minh bạch, rút ngắn quy trình và tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, các hệ thống còn phân tán, thiếu tích hợp và chuẩn hóa, gây khó khăn cho việc khai thác và tái sử dụng dữ liệu quy mô lớn.

c) Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Các cơ quan Đảng đã triển khai nhiều giải pháp bảo đảm an toàn thông tin. Văn phòng Trung ương Đảng vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung, phân vùng mạng tại Trung tâm dữ liệu và áp dụng chứng thực số SSL cho các ứng dụng web. Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và giải pháp cơ yếu, bảo đảm tuyệt đối an toàn đối với văn bản mật. Các cơ quan Đảng thực hiện tách biệt mạng nội bộ và Internet, triển khai phần mềm bảo mật; nhiều địa phương đầu tư hệ thống giám sát an toàn thông tin theo cấp độ. Tuy nhiên, trong bối cảnh triển khai thủ tục hành chính điện tử trên toàn quốc, yêu cầu về phân quyền chặt chẽ, giám sát tập trung, bảo mật đa tầng và tuân thủ quy trình chuẩn theo Quy định số 338-QĐ/TW cần tiếp tục được tăng cường.

d) Tổ chức bộ máy và nhân lực công nghệ thông tin

Văn phòng Trung ương Đảng giao Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu làm đơn vị đầu mối tham mưu, triển khai và vận hành các nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo mật trong các cơ quan đảng. Hiện tại, Cục có khoảng 55 cán bộ chuyên

trách về công nghệ thông tin và cơ yếu đây là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò trung tâm trong triển khai các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và hỗ trợ các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn hệ thống. Tại các cơ quan đảng Trung ương, phần lớn đã bố trí lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin; nhiều đơn vị đã thành lập phòng công nghệ thông tin hoặc phòng chuyển đổi số với từ 3 đến 5 cán bộ chuyên trách. Ở cấp tỉnh ủy, thành ủy, việc bố trí cán bộ Phòng chuyển đổi số - Cơ yếu bước đầu được quan tâm, nhưng số lượng và chất lượng còn hạn chế. Đặc biệt, ở cấp cơ sở (xã, phường, chi bộ), nhân lực công nghệ thông tin rất mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống khi triển khai trên diện rộng. Mặc dù Văn phòng Trung ương Đảng có lực lượng chuyên trách tương đối mạnh, nhưng nhân lực công nghệ thông tin trong toàn hệ thống tổ chức của Đảng vẫn thiếu và chưa đồng đều, nhất là ở cơ sở. Đây là khó khăn lớn cần được khắc phục thông qua tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, nhằm bảo đảm triển khai thành công thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo Quy định số 338-QĐ/TW.

đ) Về công tác đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

Thời gian qua đã được triển khai thường xuyên và đồng bộ. 100% tỉnh ủy, thành ủy đã cử cán bộ tham gia các hội nghị, lớp tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số do Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức; nhiều địa phương cử cán bộ công nghệ thông tin tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cơ yếu để có thể đảm nhiệm đồng thời hai lĩnh vực. Thông qua các đợt tập huấn, trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách và kỹ năng của cán bộ, công chức, đảng viên được nâng lên, tạo nền tảng quan trọng để tiếp cận và vận hành các hệ thống thông tin mới. Tuy nhiên, công tác đào tạo vẫn còn chưa đồng đều giữa các cấp, nhất là ở cơ sở và chưa gắn chặt với yêu cầu sử dụng các nền tảng thực hiện thủ tục hành chính điện tử của Đảng.

e) Nguồn lực tài chính

Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin được bảo đảm từ ngân sách Trung ương và địa phương, tập trung vào: Hạ tầng kỹ thuật; an toàn thông tin; xây dựng hệ thống dùng chung; số hóa tài liệu; đào tạo tập huấn; thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Tuy nhiên, phân bổ nguồn lực còn phân tán, chưa đủ tập trung vào các hệ thống nền tảng, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

3.2. Đánh giá triển khai thí điểm thủ tục hành chính của Đảng tại Thành ủy Hà Nội

Thành ủy Hà Nội là địa phương đề xuất triển khai thí điểm 04 thủ tục hành chính của Đảng tại các tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trên môi trường điện tử và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia trong Quý II/2025, hiện tại các tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trong Quý II/2025, với phạm vi đối tượng gồm: Đảng viên; Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cơ sở; cấp ủy, chi bộ trực thuộc; chi bộ thôn, tổ dân phố và các tổ chức đảng trên địa bàn thành phố. Việc lựa chọn Hà Nội làm đơn vị thí điểm có ý nghĩa quan trọng nhằm kiểm chứng toàn diện các yếu tố kỹ

thuật, công nghệ, quy trình nghiệp vụ, chuẩn dữ liệu, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, mức độ thuận tiện cho đảng viên và khả năng phối hợp, liên thông giữa các cấp ủy. Danh sách 04 thủ tục hành chính triển khai thí điểm, gồm:

TT	Danh sách 04 thủ tục hành chính của Đảng	Văn bản tham chiếu
1	Thủ tục thu nộp đảng phí	Quy định thi hành Điều lệ Đảng (<i>Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025</i>).
2	Thủ tục lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ đối với đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú	Quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú (<i>Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020</i>).
3	Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức ở trong nước	Quy định thi hành Điều lệ Đảng (<i>Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025</i>).
4	Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng tạm thời	

Việc triển khai thí điểm trong phạm vi rộng, với số lượng lớn đảng viên tham gia, tạo điều kiện đánh giá thực chất hiệu quả vận hành của các quy trình điện tử, năng lực xử lý của hệ thống, mức độ sẵn sàng của cán bộ, đảng viên và khả năng bảo đảm an toàn thông tin. Sau giai đoạn vận hành ổn định, kết quả thí điểm là cơ sở quan trọng để đánh giá toàn diện về tính khả thi, giá trị pháp lý, tính an toàn, khả năng đáp ứng yêu cầu quản lý của tổ chức đảng và nhu cầu của đảng viên. Trên cơ sở đó sẽ triển khai mở rộng trên phạm vi toàn quốc, đồng thời tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các thủ tục hành chính trực tuyến khác trong Đảng, góp phần hình thành nền tảng quan trọng phục vụ triển khai đồng bộ Đề án.

Qua kết quả triển khai thí điểm tại Thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục I*), có thể rút ra một số nhận định, đánh giá về tính khả thi, giá trị pháp lý, mức độ đáp ứng yêu cầu của đảng viên và cấp ủy, cùng các điều kiện bảo đảm để triển khai trên phạm vi toàn quốc như sau:

a) Về tính khả thi của quy trình điện tử và mức độ tuân thủ Quy định số 338-QĐ/TW

- Kết quả thí điểm cho thấy các bước tiếp nhận, xử lý, thẩm định và trả kết quả cơ bản đã được số hóa, đáp ứng từ 70 - 80% yêu cầu nghiệp vụ theo quy định hiện hành, việc tích hợp, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cơ sở dữ liệu đảng viên của Thành phố Hà Nội bảo đảm quy trình điện tử vận hành tương đối thông suốt. Tuy nhiên, một số khâu vẫn phải thực hiện thủ công hoặc luân chuyển hồ sơ giấy, đặc biệt là thủ tục chuyển sinh hoạt đảng và nghiệp vụ phân bổ đảng phí.

- Các yêu cầu của Quy định số 338-QĐ/TW về chuẩn hóa dữ liệu, nhật ký số, quản lý vòng đời hồ sơ điện tử mới được đáp ứng một phần, chưa bảo đảm đầy đủ để triển khai toàn trình trên quy mô lớn. Do đó, tính khả thi được ghi nhận ở mức cao, nhưng cần tiếp tục chuẩn hóa quy trình và hoàn thiện các thành phần nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của Quy định số 338-QĐ/TW.

b) Về giá trị pháp lý và tính an toàn của hồ sơ điện tử, chữ ký số và nhật ký số hóa

Hồ sơ điện tử hình thành trong quá trình giải quyết thủ tục thí điểm có cơ sở pháp lý rõ ràng, phù hợp với các quy định chuyên ngành (Quy định số 294-QĐ/TW, Quy định số 213-QĐ/TW) và hướng dẫn của Công Dịch vụ công quốc gia. Hoạt động xác thực tài khoản, thanh toán trực tuyến và lưu vết giao dịch bảo đảm sự hợp lệ và minh bạch. Tuy nhiên, việc sử dụng chữ ký số của cấp ủy, chỉ bộ trong toàn bộ quy trình còn chưa thống nhất, hồ sơ điện tử chưa được quản lý trong hệ thống lưu trữ điện tử thống nhất của Đảng, nhật ký số mới đáp ứng mức cơ bản, chưa hình thành đầy đủ cơ chế giám sát nghiệp vụ theo Quy định số 338-QĐ/TW. Vì vậy, giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử ở giai đoạn thí điểm đã được bảo đảm, nhưng để triển khai trên phạm vi toàn quốc cần hoàn thiện khung pháp lý, tiêu chuẩn lưu trữ điện tử, chữ ký số chuyên dùng và cơ chế bảo đảm an toàn thông tin.

c) Về khả năng đáp ứng nhu cầu của đảng viên và cấp ủy, mức độ tiện lợi và giảm thời gian xử lý

Thí điểm cho thấy nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của đảng viên rất lớn, tỷ lệ đảng viên đăng ký tài khoản đạt trên 95%, số giao dịch nộp đảng phí trực tuyến và xử lý các thủ tục xác nhận, chuyển sinh hoạt đảng tăng nhanh, phản ánh sự tin cậy và tính tiện lợi của hệ thống. Các thủ tục điện tử giúp giảm đáng kể thời gian thực hiện, đặc biệt đối với các thủ tục định kỳ như thu, nộp đảng phí. Tuy vậy, trải nghiệm người dùng còn chịu ảnh hưởng bởi những tồn tại về chất lượng dữ liệu (trùng số thẻ đảng, thiếu tài khoản ngân hàng của cơ sở đảng), phạm vi thí điểm hạn chế và một số chức năng chưa đáp ứng đầy đủ luồng nghiệp vụ hoặc chưa có quy trình đồng bộ dữ liệu sau khi trả kết quả. Đây là các yếu tố cần tiếp tục khắc phục để nâng cao mức độ thuận tiện, minh bạch và hiệu quả khi triển khai mở rộng.

d) Về điều kiện kỹ thuật, tổ chức và nhân lực để triển khai trên phạm vi toàn quốc

- Hạ tầng kỹ thuật đang sử dụng tại Thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu thí điểm, nhưng để thực hiện trên toàn quốc cần xây dựng hệ thống hạ tầng tập trung cấp Trung ương với khả năng mở rộng lớn, bảo đảm yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, dự phòng, khôi phục dữ liệu và nền tảng giám sát vận hành theo tiêu chuẩn hiện đại.

- Về nhân lực, cần bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về công nghệ thông tin/chuyển đổi số tại các cấp, kết hợp đào tạo tập huấn thường xuyên để bảo đảm năng lực hỗ trợ đảng viên, vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Đồng thời, cần ban hành đầy đủ quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế bảo đảm an toàn, quản trị dữ liệu phục vụ triển khai đồng bộ trên toàn quốc.

đ) Nhận xét chung

- Kết quả triển khai thí điểm 04 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử tại Thành phố Hà Nội cho thấy chủ trương chuyển đổi số trong lĩnh vực công tác Đảng là đúng đắn, kịp thời và hoàn toàn khả thi, được đảng viên, cấp ủy và cơ quan chuyên môn tích cực hưởng ứng. Quy trình điện tử bước đầu được thiết kế tương đối đầy đủ, có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của quốc gia, góp phần tạo thuận lợi cho đảng viên, giảm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng. Tỷ lệ đảng viên đăng ký tài khoản và phát sinh giao dịch trực tuyến đạt mức rất cao, minh chứng cho khả năng tiếp nhận và sẵn sàng chuyển đổi phương thức làm việc sang môi trường điện tử.

Tuy nhiên, các kết quả đạt được mới ở giai đoạn thí điểm và còn tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống, như yêu cầu chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ theo Quy định số 338-QĐ/TW, hoàn thiện giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử, củng cố hạ tầng kỹ thuật và nền tảng lưu trữ điện tử, làm sạch dữ liệu và bảo đảm đồng bộ dữ liệu sau khi xử lý. Việc mở rộng triển khai đòi hỏi đầu tư hạ tầng tập trung, kiện toàn bộ máy vận hành, phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyên môn, đồng thời ban hành đầy đủ quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với đặc thù của hệ thống chính trị.

Nhìn chung, việc mở rộng triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử là khả thi và cần thiết, nhưng phải được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm yêu cầu pháp lý, kỹ thuật, an toàn thông tin và phù hợp với năng lực của các cấp ủy, tổ chức đảng. Đây là cơ sở quan trọng để Đề án đề xuất mô hình tổ chức, giải pháp kỹ thuật và phương án triển khai thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

3.3. Đánh giá chung về thực trạng công tác giải quyết thủ tục hành chính trong khối Đảng

- Thời gian qua cùng với việc đầu tư nâng cấp hạ tầng trang thiết bị, công tác tạo lập và làm sạch dữ liệu đã đạt được những bước tiến quan trọng, tạo nền tảng trực tiếp cho việc số hóa thủ tục hành chính. Ban Tổ chức Trung ương đã hoàn thành việc gom và tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu đảng viên từ các đảng bộ trực thuộc Trung ương về Trung tâm tích hợp dữ liệu của Đảng tại Văn phòng Trung ương Đảng. Các đảng bộ cấp tỉnh và cấp trên cơ sở đã triển khai phần mềm Cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên để trực tiếp cập nhật dữ liệu của đơn vị mình; đến 02/7/2025

đã hoàn thành kết nối, cập nhật tập trung. Đến 31/8/2025, toàn bộ tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương đã cơ bản hoàn thành việc chuẩn hóa danh mục tổ chức Đảng theo Quy định số 208-QĐ/BTCTW và cập nhật đầy đủ thông tin căn cước công dân của toàn bộ đảng viên. Đây là bước đột phá lớn, giúp làm sạch, đồng bộ và thống nhất dữ liệu gốc, tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo Quy định số 338-QĐ/TW.

- Mặc dù vậy, việc giải quyết thủ tục hành chính trong công tác Đảng bao gồm các lĩnh vực như công tác cán bộ, chính sách cán bộ, nghiệp vụ tổ chức Đảng và đảng viên vẫn chủ yếu được thực hiện theo phương thức thủ công hoặc bán thủ công. Cách làm này tuy bảo đảm tính chặt chẽ của quy trình truyền thống, nhưng bộc lộ nhiều hạn chế trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Quy định số 338-QĐ/TW, như:

- **Thứ nhất, quy trình xử lý còn kéo dài, dễ phát sinh sai sót:** Hầu hết các khâu đều cần sự can thiệp trực tiếp của con người, nhất là đối với những thủ tục phức tạp như chuyển sinh hoạt đảng, xác minh hồ sơ, giải quyết đơn thư. Điều này làm tăng thời gian xử lý, tạo nguy cơ trùng lặp thao tác, lãng phí nhân lực và giảm hiệu quả công việc.

- **Thứ hai, khó bảo đảm công khai, minh bạch và khả năng giám sát:** Hiện chưa có công cụ theo dõi tiến độ tập trung; việc tra cứu, tổng hợp, thống kê và đánh giá còn thủ công, dẫn đến hạn chế trong công khai quy trình, theo dõi trách nhiệm và giám sát của cấp ủy các cấp.

- **Thứ ba, phát sinh chi phí và lãng phí nguồn lực xã hội:** Đảng viên phải trực tiếp đến cơ quan để nộp hồ sơ, nhận kết quả; điều này gây tốn kém thời gian, chi phí đi lại, đặc biệt đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa; trong khi nguồn lực hành chính chưa được tận dụng hiệu quả trên môi trường điện tử, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác cũng như niềm tin của cán bộ, đảng viên đối với quá trình cải cách hành chính trong Đảng.

3.4. Khó khăn, hạn chế

Mặc dù đã đạt được một số kết quả bước đầu trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuẩn hóa dữ liệu, việc triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, tập trung vào các nhóm chủ yếu sau:

a) Về thể chế, pháp lý

- Hệ thống quy chế, quy định hiện hành về thủ tục hành chính của Đảng còn phân tán, nhiều nội dung chưa được quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất; phần lớn vẫn đặt trọng tâm vào phương thức thực hiện thủ công, trực tiếp bằng hồ sơ giấy. Trước khi có Quy định số 338-QĐ/TW, chưa có khung quy định thống nhất về quy trình điện tử, chuẩn dữ liệu và giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử trong Đảng, dẫn tới

tình trạng triển khai rời rạc, manh mún, khó hình thành hệ thống dùng chung, liên thông toàn quốc.

- Việc quản lý hồ sơ đảng viên và các danh mục tài liệu liên quan đang được quy định là tài liệu mật và quản lý theo chế độ mật, đặt ra yêu cầu rất cao về bảo mật khi chuyển sang môi trường số. Để triển khai các nghiệp vụ công tác đảng viên gắn với chuyển đổi số, cần có đánh giá toàn diện và kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, vừa giữ vững yêu cầu bảo mật, vừa phù hợp với thực tiễn số hóa. Nhiều quy định hiện hành vẫn yêu cầu hồ sơ, tài liệu giấy, chưa có quy định cụ thể để bảo đảm giá trị pháp lý cho hồ sơ, giao dịch điện tử trong Đảng.

b) Về hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin

- Hạ tầng công nghệ thông tin giữa các vùng, miền chưa đồng bộ, ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, việc tiếp cận mạng Internet tốc độ cao (cáp quang, 4G/5G) còn hạn chế. Thiết bị công nghệ thông tin như máy tính, máy in, máy chủ và các thiết bị ngoại vi ở một số nơi thiếu hoặc đã cũ, không đáp ứng yêu cầu về hiệu năng, an toàn và bảo mật; công tác bảo trì, nâng cấp thiết bị chưa được quan tâm đúng mức, tiềm ẩn nguy cơ hỏng hóc, gián đoạn hệ thống.

- Nhiều cơ quan Đảng vẫn sử dụng các phần mềm riêng lẻ phục vụ từng nghiệp vụ (quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý văn bản, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo...), được phát triển độc lập, không có chuẩn chung về kiến trúc và dữ liệu, dẫn tới tình trạng “cát cứ thông tin”, dữ liệu phải nhập lại nhiều lần, dễ phát sinh sai sót, thiếu nhất quán. Lãnh đạo các cấp chưa có nguồn thông tin đồng bộ, kịp thời để chỉ đạo; các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data) chưa thể áp dụng hiệu quả do thiếu nền tảng dữ liệu chuẩn hóa, tập trung.

c) Về dữ liệu, đồng bộ và kết nối, liên thông

- Hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên tuy đã được tập trung, chuẩn hóa bước đầu, nhưng vẫn còn những phần dữ liệu chưa đầy đủ, chưa được cập nhật kịp thời; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị còn hạn chế. Đến nay, chưa ban hành quy định thống nhất về mã định danh tổ chức cơ sở Đảng từ Trung ương đến cơ sở, gây khó khăn cho việc tin học hóa các quy trình nghiệp vụ và liên thông dữ liệu.

- Một số thủ tục hành chính có quy trình nghiệp vụ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị (như chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài đảng bộ, chuyển sinh hoạt đảng ra nước ngoài...), đòi hỏi phải vừa sửa đổi, bổ sung quy định, vừa chuẩn hóa và số hóa quy trình để bảo đảm tính liên thông, thống nhất. Theo Quy định số 338-QĐ/TW, các thủ tục hành chính trước khi đưa lên môi trường điện tử (Cổng Dịch vụ công quốc gia) phải được rà soát, tái cấu trúc nhằm tận dụng tối đa dữ liệu

đã có; đối với những thủ tục chưa có đủ dữ liệu phục vụ xử lý trực tuyến, cần có lộ trình xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan, chỉ triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục đã đủ điều kiện.

d) Về kỹ năng số và thói quen sử dụng

- Kỹ năng số và khả năng sử dụng các nền tảng, dịch vụ trực tuyến chưa đồng đều giữa các nhóm cán bộ, đảng viên; trong đó nhóm đảng viên cao tuổi tại các chi bộ cơ sở chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cơ sở và đảng viên cao tuổi, còn tâm lý e ngại khi chuyển từ phương thức thủ công sang thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thói quen làm việc lâu năm với hồ sơ giấy khiến quá trình thích ứng với công nghệ số gặp nhiều khó khăn.

- Thực tiễn thí điểm tại Thành phố Hà Nội cho thấy, nhiều đảng viên cao tuổi, đặc biệt là các đồng chí đã nghỉ hưu, còn lúng túng trong thao tác, làm quen với phần mềm, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả triển khai. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên chưa thực sự được triển khai thường xuyên, liên tục và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

đ) Về công tác tổ chức triển khai, phối hợp

- Hiện nay, hầu hết các tổ chức Đảng chưa có tài khoản cấp ủy (ngoại trừ một số đảng bộ trực thuộc thành ủy và đảng bộ cơ sở). Với tổng số khoảng 17.538 chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc, việc mở tài khoản ngân hàng để phục vụ nghiệp vụ thu, nộp đảng phí cần thời gian đáng kể để triển khai đồng bộ. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai giữa các cấp ủy trực thuộc còn thiếu sự thống nhất, dẫn đến tiến độ triển khai chưa đồng đều giữa các địa phương, đơn vị.

- Hoạt động tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống mới chưa được tổ chức rộng khắp, đồng bộ tới từng cấp ủy, chi bộ, gây khó khăn cho cán bộ, đảng viên trong quá trình tiếp cận và sử dụng dịch vụ điện tử.

e) Về an toàn thông tin, bảo mật

- Yêu cầu rất cao về bảo mật thông tin Đảng đòi hỏi hệ thống thủ tục hành chính điện tử phải được thiết kế, kiểm thử kỹ lưỡng, có cơ chế kiểm soát phân quyền chặt chẽ, giám sát tập trung và bảo đảm an toàn dữ liệu trong suốt quá trình xử lý và kết nối giữa hệ thống Đảng với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong khi đó, nhận thức về an toàn thông tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và một số hệ thống, thiết bị hiện có chưa đáp ứng yêu cầu; đây là nguy cơ tiềm ẩn rủi ro nếu mở rộng triển khai trên phạm vi toàn quốc.

- Thực trạng trên cho thấy, bên cạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, Đảng cần triển khai đồng bộ các giải pháp về thể chế, quy trình và công nghệ thông tin, nhằm chuyển đổi từ quản lý hồ sơ, quy trình thủ công sang quản lý, xử lý, theo

dõi và giám sát thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Vì vậy, việc xây dựng và triển khai Đề án là yêu cầu cấp thiết và kịp thời, nhằm phát huy tối đa giá trị của cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên 4.0, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tự động hóa các khâu xử lý, tăng cường liên thông, tích hợp dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ tốt hơn tổ chức Đảng, đảng viên trong toàn hệ thống chính trị.

Việc xây dựng và ban hành Đề án không chỉ góp phần hiện thực hóa các chủ trương lớn của Đảng về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, mà còn là bước đột phá quan trọng trong hiện đại hóa phương thức lãnh đạo của Đảng. Đề án giúp chuyển mạnh từ quản lý hồ sơ giấy sang xử lý điện tử, thiết lập quy trình chuẩn hóa, có lưu vết, có giám sát, khắc phục những hạn chế về hạ tầng, nhân lực và dữ liệu, tạo nền tảng vận hành một hệ thống thống nhất, an toàn, hiệu quả và bền vững theo Quy định số 338-QĐ/TW. Qua đó góp phần hình thành nền hành chính Đảng hiện đại, minh bạch, đồng bộ và vận hành trên môi trường điện tử.

II- NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy việc triển khai các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, đồng bộ, liên thông từ Trung ương đến cơ sở, tăng cường tính công khai, minh bạch, giảm thời gian, chi phí thực hiện và hạn chế sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ. Cung cấp các công cụ quản lý, giám sát, điều hành, chỉ đạo dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của Đảng, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể, yêu cầu

2.1. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu tổng quát nêu trên, Đề án đặt ra các mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

a) 100% hoàn thiện các thể chế, quy định và quy trình nghiệp vụ tạo hành lang pháp lý để triển khai và sử dụng thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; tổ chức số hóa và chuẩn hóa quy trình xử lý, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, dễ giám sát và phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại của Đảng.

b) 100% hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, nền tảng ứng dụng và dữ liệu, các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai thủ tục hành chính của Đảng tập trung, thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc.

c) Bảo đảm 100% cán bộ, đảng viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số để quản lý, xử lý, sử dụng các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thay đổi phương thức làm việc trên môi trường điện tử.

2.2. Yêu cầu

- Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính của Đảng phải gắn trực tiếp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, góp phần nâng cao năng lực quản trị của các cấp ủy, tăng tính kịp thời, chính xác và thống nhất trong xử lý công việc. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức đảng phải gương mẫu thực hiện triển khai cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc sử dụng các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

- Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, giảm tối đa thời gian và quy trình trung gian, loại bỏ tình trạng trùng lặp hồ sơ, thao tác thủ công; từng bước hình thành cơ chế giám sát số, dựa trên dữ liệu tập trung, nhật ký số hóa và phân quyền kiểm soát chặt chẽ.

- Triển khai Đề án phải theo phương châm tập trung, tổng thể, thống nhất, đồng bộ, liên thông, an toàn, bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa thể chế, quy trình, dữ liệu, hạ tầng và nhân lực.

- Việc xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, số hóa quy trình nghiệp vụ phải đặt tổ chức đảng và đảng viên ở vị trí trung tâm phục vụ, tạo thuận lợi tối đa trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đảng viên; bảo đảm các dịch vụ, tiện ích số vận hành thông suốt, an toàn và thân thiện, nhất là đối với các thủ tục có tần suất lớn, liên thông nhiều cấp. Tận dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật và nguồn lực sẵn có; kết hợp hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để bảo đảm tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng phải bảo đảm kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; đăng nhập, xác thực qua VNeID; liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống chuyên ngành của Đảng và Nhà nước; tích hợp các giải pháp công nghệ mới trí tuệ nhân tạo (AI); bảo đảm liên thông trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan, tổ chức đảng; chia sẻ dữ liệu theo quy định nhằm rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ; tuân thủ tuyệt đối các quy định của Đảng và Nhà nước về bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Phạm vi Đề án

Đề án được triển khai trên phạm vi toàn quốc, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm:

- Các cơ quan Đảng ở Trung ương; Đảng bộ các cơ quan Trung ương Đảng; Đảng bộ Quốc hội; Đảng bộ Chính phủ; Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương.

- Các tỉnh ủy, thành ủy và các tổ chức đảng trực thuộc.

- Đảng ủy cơ sở tại các xã, phường, đặc khu và tương đương; các tổ chức đảng thuộc cơ quan, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp và các tổ chức cơ sở đảng khác.

- Các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, bao gồm chi bộ thôn, tổ dân phố, chi bộ cơ quan, chi bộ doanh nghiệp, đơn vị.

- Đảng viên chính thức, đảng viên dự bị thuộc các cơ quan, tổ chức đảng.

- Các tổ chức đảng thuộc Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương sẽ thực hiện theo quy định riêng.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Về thể chế

4.1.1. Hoàn thiện khung pháp lý

- Rà soát và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (bao gồm các quy định của Đảng và Nhà nước) để bảo đảm phù hợp với quy định về thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử (Quy định số 338-QĐ/TW), loại bỏ yêu cầu nộp hồ sơ, tài liệu giấy không cần thiết và thay thế bằng hồ sơ điện tử có giá trị pháp lý tương đương. Đồng thời bổ sung quy định rõ hồ sơ điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ giấy, trừ tài liệu mật, tối mật, tuyệt mật phải thực hiện theo quy định riêng, làm cơ sở pháp lý thống nhất cho việc xử lý thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử. Trên cơ sở triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, cần rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định hiện hành có liên quan (như Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 342-QĐ/TW về đảng phí...) nhằm bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với môi trường điện tử và tiến độ thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan để rà soát, tái cấu trúc quy trình, sửa đổi bổ sung các quy định liên quan đến việc tích hợp thủ tục hành chính của Đảng lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.1.2. Chuẩn hóa và ban hành các quy định về nghiệp vụ công tác Đảng trên môi trường điện tử

- Thống kê, rà soát và ban hành bộ thủ tục hành chính của các cơ quan Đảng (bao gồm cả liên thông) và thực hiện công bố, công khai, minh bạch đầy đủ theo quy định.

- Định kỳ rà soát, lập danh mục thủ tục hành chính của Đảng ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử.

- Rà soát, hướng dẫn và triển khai Quy định số 384-QĐ/TW, ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý hồ sơ đảng viên và tài liệu mật để phù hợp với việc số hóa, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin tuyệt đối. Ví dụ, xây dựng cơ chế mã hóa, phân quyền truy cập chặt chẽ đối với thông tin mật khi xử lý trên hệ thống.

- Hoàn thiện và ban hành mã định danh tổ chức cơ sở đảng thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, làm cơ sở cho việc đồng bộ dữ liệu và liên thông các hệ thống.

- Rà soát, ban hành quyết định sửa đổi quy định về chế độ đảng phí ban hành kèm theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị để phù hợp với việc thu nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; sửa đổi một số điều của Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; và sửa đổi một số nội dung về chuyển sinh hoạt đảng của Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 về thi hành Điều lệ Đảng để đáp ứng yêu cầu số hóa và liên thông.

3.1.3. Xây dựng cơ chế phối hợp và giám sát

- Rà soát, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Đảng với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các ngân hàng thương mại để thực hiện nghiệp vụ thu, nộp đảng phí thuận tiện, chính xác và đảm bảo nguồn thu đảng phí phân biệt cho các cấp ủy Đảng đúng theo quy định.

- Xây dựng và ban hành các tiêu chí phục vụ cho kiểm tra, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử trên cơ sở các tiêu chí như: Số lượng thủ tục thực hiện qua môi trường điện tử; thời gian trung bình xử lý hồ sơ; số lần tương tác của người dùng và mức độ hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên,...

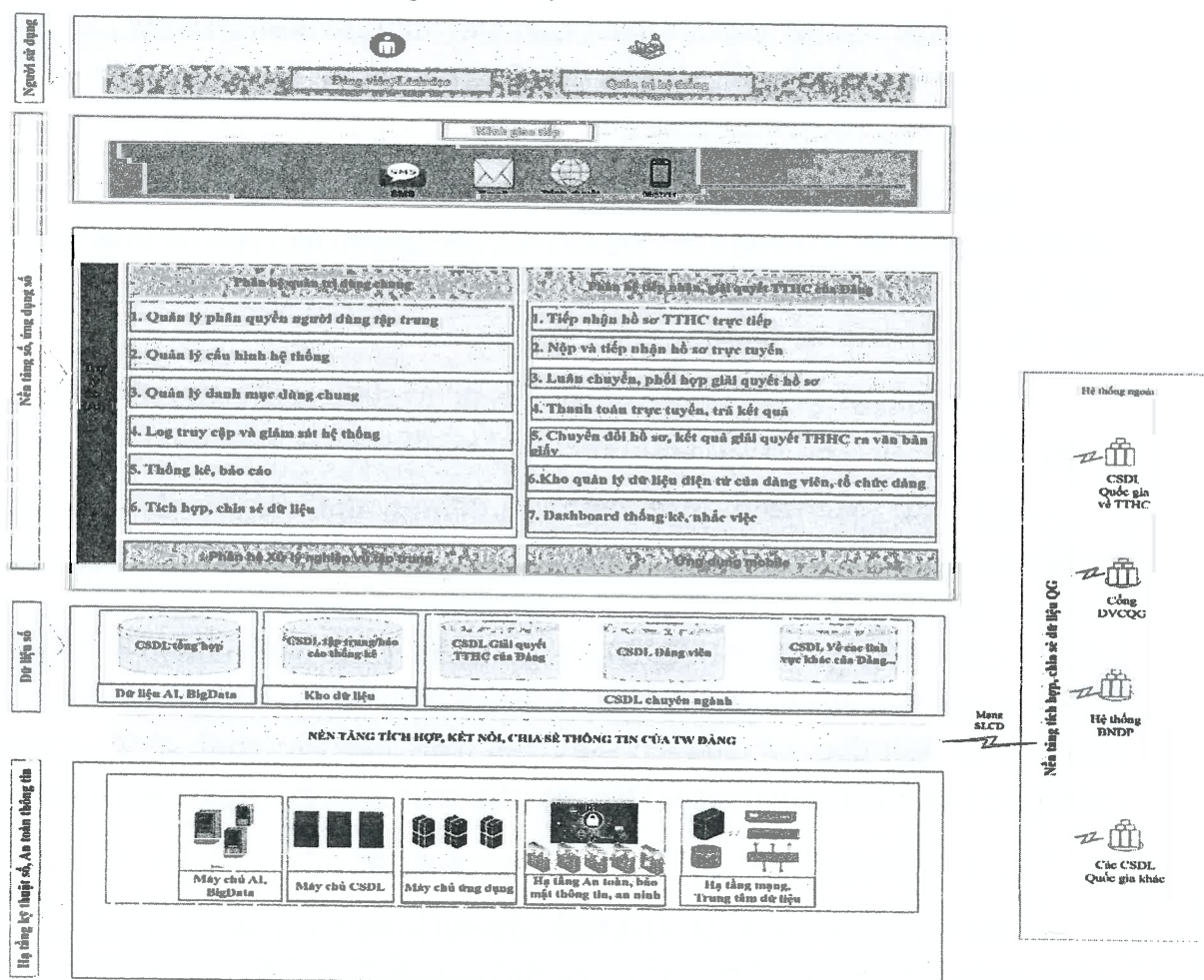
- Xây dựng cơ chế để các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định những cơ chế, chính sách đặc biệt theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

4.2. Về công nghệ

4.2.1. Về kiến trúc tổng thể của hệ thống

- Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử được thiết kế bảo đảm tuân thủ Quyết định số 333-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư về Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng (phiên bản 3.0), đồng thời phù hợp với Khung Kiến trúc tổng thể Quốc gia số, kiến trúc Hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và các quy định của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống chính trị.



Mô hình Kiến trúc tổng thể hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Đảng

- Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử bao gồm 2 thành phần chính:

+ Thành phần xử lý thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử: Bao gồm các phân hệ quản trị dùng chung, phân hệ quản trị thủ tục hành chính nội bộ, phân hệ tra cứu tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, phân hệ các cơ sở dữ liệu theo lĩnh vực của Đảng; ứng dụng trên thiết bị điện thoại, máy tính bảng,...

+ Thành phần ứng dụng trợ lý ảo (AI):

- Trong quá trình triển khai, kiến trúc hệ thống sẽ được rà soát, điều chỉnh và thiết kế chi tiết để bảo đảm phù hợp, đồng bộ với Nghị định của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong hệ thống chính trị và Quyết định về Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung khi được ban hành.

- Việc phát triển Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo hướng tập trung, thống nhất, đảm bảo khả năng phân cấp, phân

quyền trong xử lý thủ tục hành chính; có khả năng tích hợp và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu về đảng viên, các hệ thống thông tin của Đảng, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, tạo nền tảng cho vận hành đồng bộ, hiệu quả; không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp các thành phần hồ sơ đã có trong Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng, Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan nhà nước quản lý được chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng lại dữ liệu cần tuân thủ nguyên tắc “*chỉ cung cấp dữ liệu một lần*”, bảo đảm đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

- Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tích hợp với Nền tảng định danh và xác thực điện tử tập trung trong các cơ quan đảng, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Nền tảng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đáp ứng xác thực nâng cao như sinh trắc học (*vân tay, khuôn mặt...*) đối với các thủ tục yêu cầu xác minh cao, nhằm tăng cường bảo mật và ngăn ngừa gian lận danh tính.

+ Liên thông, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm cung cấp “một cửa số” duy nhất để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính điện tử, đáp ứng nhu cầu sử dụng với tần suất, giao dịch lớn; có khả năng chia sẻ, đồng bộ dữ liệu, thông tin và kết quả giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan Đảng ở Trung ương, nhằm làm giàu dữ liệu và nâng cao hiệu quả khai thác; tạo lập và quản lý mã thủ tục hành chính, mã hồ sơ, kết quả xử lý thủ tục hành chính theo đúng quy định.

+ Xây dựng, phát triển và vận hành các hệ thống thông tin bảo đảm giao diện thân thiện, dễ sử dụng; ưu tiên thiết kế phù hợp với đảng viên cao tuổi và đảng viên có hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ thông tin. Bảo đảm khả năng truy cập hiệu quả trên đa nền tảng thiết bị (*máy tính, điện thoại, máy tính bảng, ...*).

+ Cung cấp chức năng bảo đảm toàn bộ các hồ sơ thủ tục hành chính (*trừ hồ sơ mật*) được số hóa, tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng.

+ Hồ sơ, tài liệu và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Đảng được số hóa, lưu trữ và xử lý dưới dạng điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, bảo đảm khả năng tái sử dụng, tra cứu, kết nối chia sẻ với các hệ thống liên quan.

+ Thời hạn xử lý hồ sơ phải được hiển thị công khai trên hệ thống đối với từng thủ tục hành chính, tùy theo mức độ phức tạp của hồ sơ và được cập nhật trạng thái theo thời gian thực. Có khả năng đo lường thời gian xử lý thủ tục hành chính theo

các bước trong quy trình thực hiện phục vụ tổng hợp, phân tích, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện.

+ Bảo đảm khả năng tương tác thông suốt, trao đổi thông tin hai chiều giữa người sử dụng và tổ chức đảng trong quá trình thực hiện thủ tục; bảo đảm khả năng tiếp nhận, theo dõi, tra cứu tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử.

+ Quản lý biểu mẫu điện tử được quản lý thống nhất, bảo đảm khả năng tra cứu, cập nhật, sử dụng và tái sử dụng thuận tiện, hiệu quả; biểu mẫu điện tử tuân thủ quy chuẩn dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

+ Tuân thủ đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức.

+ Bảo đảm Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử tối thiểu đáp ứng cấp độ 3 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

+ Hệ thống sẵn sàng tích hợp với Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong cơ quan đảng nhằm thống nhất việc cấp số, ban hành văn bản điện tử kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống duy nhất, đồng bộ tình hình giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống điều hành tác nghiệp để phục vụ công tác theo dõi, giám sát, điều hành, chỉ đạo tập trung, thống nhất.

+ Các yêu cầu liên quan khác đáp ứng cho việc thực hiện hiệu quả các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

3.2.2. Về hạ tầng công nghệ

Việc triển khai Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đòi hỏi hạ tầng Trung tâm dữ liệu, kiến trúc công nghệ và các điều kiện kỹ thuật bảo đảm đồng bộ, an toàn và đáp ứng yêu cầu vận hành lâu dài. Giải pháp hạ tầng và công nghệ được xác định như sau:

3.2.2.1. Yêu cầu về hạ tầng Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng

- Hệ thống được triển khai tại Trung tâm dữ liệu của các cơ quan Đảng, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, khả năng mở rộng và khả năng tích hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; đồng thời có Trung tâm Dữ liệu dự phòng của các cơ quan Đảng để bảo đảm tính liên tục của dịch vụ.

- Hệ thống vận hành trên môi trường điện tử đối với các thủ tục không mật và trên mạng thông tin diện rộng của Đảng đối với các thủ tục, nghiệp vụ mật. Việc nâng cấp băng thông mạng diện rộng thuộc phạm vi hạ tầng dùng chung và được thực hiện theo thẩm quyền; Đề án chỉ khai thác và sử dụng hạ tầng hiện có.

- Đối với các dịch vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), yêu cầu hạ tầng của nhà cung cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn trung tâm dữ liệu theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin, khả năng tích hợp với các hệ thống quốc gia và đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam.

3.2.2.2. Yêu cầu về kiến trúc và nền tảng công nghệ

- Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc Microservice¹, bảo đảm khả năng mở rộng, linh hoạt trong phát triển, nâng cấp chức năng và dễ dàng tích hợp với các hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước.

- Sử dụng các công nghệ, nền tảng tiêu chuẩn, tiên tiến, đáp ứng yêu cầu triển khai lâu dài; tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, đặc biệt là các tiêu chuẩn về kết nối, trao đổi dữ liệu, an toàn thông tin và quản trị dữ liệu.

3.2.3. Yêu cầu về kết nối, tích hợp và phát triển cơ sở dữ liệu

Việc triển khai Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đòi hỏi bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ xử lý thủ tục hành chính, lưu trữ hồ sơ điện tử và hỗ trợ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Các yêu cầu chủ yếu gồm:

3.2.3.1. Yêu cầu về kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu

- Hệ thống phải bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin chuyên ngành của Đảng và Nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp quốc gia và của Đảng, bảo đảm trao đổi dữ liệu thông suốt, thống nhất, đúng chuẩn.

- Việc kết nối và liên thông giữa Hệ thống với mạng nội bộ các cơ quan Đảng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ và các hệ thống liên quan sẽ được thiết kế chi tiết trong giai đoạn triển khai, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và của Đảng về bảo mật, an toàn thông tin, đặc biệt đối với dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

3.2.3.2. Yêu cầu về xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đảng viên, cơ sở dữ liệu số hóa hồ sơ thủ tục hành chính của Đảng, cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cùng

¹ Microservices là một phương pháp kiến trúc phần mềm trong đó một ứng dụng lớn được cấu thành từ nhiều dịch vụ nhỏ, độc lập. Mỗi dịch vụ được xây dựng để thực hiện một chức năng nghiệp vụ cụ thể, chạy trong một tiến trình riêng và có thể được triển khai một cách độc lập. Các dịch vụ này giao tiếp với nhau thông qua các cơ chế gọn nhẹ và được định nghĩa rõ ràng, phổ biến nhất là thông qua Giao diện lập trình ứng dụng (API).

các cơ sở dữ liệu tổng hợp, thống kê, báo cáo bảo đảm tập trung, đồng bộ, đầy đủ, chính xác.

- Từng bước phát triển cơ sở dữ liệu lớn (Big Data) và cơ sở dữ liệu dùng cho huấn luyện, triển khai trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm hỗ trợ phân tích nghiệp vụ, tự động hóa quy trình xử lý thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức đảng, đảng viên.

3.2.4. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo

- Lựa chọn nhà cung cấp giải pháp công nghệ AI là doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam, có năng lực triển khai các giải pháp công nghệ AI đã được kiểm chứng và có kinh nghiệm phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Đảm bảo nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin nội bộ của Đảng, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật phòng chống rò rỉ dữ liệu, hạn chế sai lệch, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và khả năng kiểm soát, giải thích theo quy định. Đặt tại trung tâm dữ liệu trong nước, không kết nối chia sẻ dữ liệu ra ngoài hệ thống quốc tế.

- Ký kết hợp đồng thuê dịch vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) toàn trình, theo cơ chế “dịch vụ AI dùng riêng”, bảo đảm dữ liệu không được sử dụng cho mục đích khác ngoài phạm vi khối cơ quan Đảng.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ:

- + Giải đáp tự động các câu hỏi thường gặp của đảng viên, tổ chức Đảng trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- + Hướng dẫn điền biểu mẫu điện tử, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trước khi nộp.

- + Gợi ý quy trình xử lý hồ sơ hành chính, hỗ trợ cán bộ chuyên môn trong phân loại, chuyển xử lý hồ sơ.

- + Theo dõi tiến trình xử lý và thông báo trạng thái hồ sơ cho đảng viên, tổ chức Đảng; hỗ trợ phân tích, thống kê, dự báo tình hình thực hiện thủ tục hành chính.

3.2.5. An toàn thông tin mạng, an ninh mạng

Việc xây dựng và vận hành Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử phải bảo đảm mức độ an toàn, an ninh mạng cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Đảng về bảo mật, an toàn thông tin, bí mật nhà nước. Các yêu cầu và giải pháp chủ yếu gồm:

3.2.5.1. Yêu cầu về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng

- Áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu và thông tin bằng giải pháp chuyên dụng, bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn, sẵn sàng và chống chối bỏ của dữ liệu trong quá trình xử lý, lưu trữ và trao đổi.

- Thực hiện mã hóa dữ liệu khi truyền tải và lưu trữ; bảo vệ dữ liệu cá nhân của đảng viên, tổ chức đảng theo Luật Dữ liệu số và các quy định của Đảng về bảo mật thông tin.

- Sử dụng chữ ký số chuyên dùng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và quy định của Ban Cơ yếu Chính phủ; trừ trường hợp văn bản của Đảng có quy định khác.

- Áp dụng các cơ chế xác thực mạnh, xác thực đa yếu tố (MFA), phân quyền truy cập chặt chẽ theo vai trò, nhiệm vụ và mức độ bí mật của hồ sơ, thủ tục.

- Hệ thống phải có khả năng ghi nhật ký truy cập và nhật ký xử lý, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và truy vết hoạt động.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá lỗ hổng bảo mật; xây dựng và cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin theo hướng chủ động, đáp ứng yêu cầu giám sát 24/7.

- Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và quy định của Đảng về an toàn thông tin, an ninh mạng, bí mật nhà nước; bảo đảm hệ thống đạt tối thiểu cấp độ 3 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó có TCVN 14423:2025 đối với hệ thống thông tin quan trọng.

3.2.5.2. Giải pháp kỹ thuật bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống

- Sử dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến như mã hóa AES-256, giao thức HTTPS, hệ thống xác thực đa yếu tố; phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai các sản phẩm mật mã, chứng thực chữ ký số và khóa mã hóa chuyên dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật của Đảng.

- Phối hợp với Cục An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an), Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám sát an ninh mạng (Ban Cơ yếu Chính phủ) thực hiện đánh giá, kiểm tra an toàn thông tin định kỳ hằng quý, chủ động phát hiện, phòng ngừa và xử lý 100% lỗ hổng mức cao.

- Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng 2 lần/năm với sự phối hợp của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan liên quan; xây dựng kịch bản diễn tập đa dạng như tấn công từ chối dịch vụ (DDoS), tấn công đánh cắp dữ liệu, cài cắm mã độc, xâm nhập trái phép; triển khai theo lộ trình của Đề án.

4.3. Về công tác tuyên truyền

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong toàn hệ thống các cơ quan Đảng về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là đối với người đứng đầu, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, đảng viên tiếp cận, sử dụng hiệu quả các hệ thống nghiệp vụ trên môi trường điện tử; xây dựng các tài liệu, video, công cụ hỗ trợ và bộ câu hỏi - đáp phục vụ đào tạo, tập huấn.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng làm việc trên môi trường điện tử cho cán bộ, đảng viên; hình thành và lan tỏa văn hóa ứng dụng công nghệ, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo trong khai thác hệ thống.

- Gắn công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số với việc thực hiện nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động của các cơ quan Đảng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với nhiệm vụ chính trị được giao.

4.4. Về nguồn lực, kinh phí

Việc triển khai Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đòi hỏi sự bảo đảm đầy đủ, đồng bộ về nguồn lực con người, kinh phí và công tác tuyên truyền nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn hệ thống chính trị. Các yêu cầu và giải pháp chủ yếu gồm:

4.4.1. Về nguồn lực triển khai

a) Về lãnh đạo quản lý

- Cần có sự chỉ đạo quyết liệt, thống nhất, xuyên suốt của các cấp lãnh đạo Đảng và Chính phủ trong tổ chức thực hiện Đề án; bảo đảm công tác lãnh đạo, điều hành được quán triệt thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Người đứng đầu các cơ quan Đảng các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả triển khai, tạo điều kiện huy động nguồn lực, đôn đốc thực hiện và xử lý kịp thời khó khăn trong quá trình tổ chức vận hành hệ thống.

b) Về nhân lực kỹ thuật và vận hành hệ thống

- Bảo đảm có đủ kỹ sư phần mềm, chuyên gia an ninh mạng, chuyên gia quản trị cơ sở dữ liệu và các nhân sự kỹ thuật khác có năng lực, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu thiết kế, triển khai, vận hành và bảo đảm an toàn hệ thống.

- Nhân sự kỹ thuật và vận hành tại Chủ đầu tư, đơn vị triển khai và các tổ chức cơ sở đảng được đào tạo bài bản, liên tục về vận hành, khai thác hệ thống và xử lý tình huống kỹ thuật.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, chương trình bồi dưỡng chuyên môn nhằm cập nhật công nghệ mới; đồng thời có cơ chế khuyến khích, khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích trong ứng dụng và vận hành hệ thống.

c) Về nhân lực nghiệp vụ và chuyển đổi số trong công tác Đảng

- Cán bộ, đảng viên được tập huấn kỹ năng số, nâng cao hiểu biết về chuyển đổi số trong công tác Đảng nhằm bảo đảm sử dụng hệ thống hiệu quả, đúng quy trình điện tử.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng được bồi dưỡng kiến thức về quy trình điện tử, chuẩn dữ liệu, luồng nghiệp vụ số hóa và kỹ năng làm việc trên môi trường điện tử.

- Hình thành và lan tỏa văn hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn hệ thống cơ quan Đảng; khuyến khích sự chủ động, sáng tạo trong khai thác các tiện ích và giá trị mà hệ thống mang lại.

d) Phương thức bố trí và huy động nguồn lực

Đề án được triển khai theo phương thức tập trung tại Trung ương, không đầu tư phân tán cho từng địa phương; bảo đảm thống nhất về công nghệ, hạ tầng, quy trình và dữ liệu.

Các yêu cầu về hạ tầng, trang thiết bị và nguồn lực tại địa phương được thực hiện trên cơ sở khai thác hạ tầng hiện có, hoặc do địa phương chủ động bố trí/đề xuất trong các chương trình, dự án liên quan theo thẩm quyền.

4.4.2. Về kinh phí và phương thức đầu tư

a) Nguồn kinh phí cho Đề án

- Ngân sách nhà nước: Là nguồn kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ của Đề án.
- Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác: Phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật.

b) Phương thức đầu tư

Triển khai Đề án ở phạm vi toàn quốc để cung cấp các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, bao gồm:

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin để xây dựng, vận hành Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, với quy mô dự kiến khoảng 100 thủ tục hành chính; triển khai thống nhất cho toàn bộ các cấp ủy, cơ quan Đảng trên toàn quốc. Hệ thống được thiết kế tích hợp các giải pháp công nghệ tiên tiến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm hỗ trợ đảng viên thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp hướng dẫn, giải đáp vướng mắc kịp thời trong quá trình xử lý thủ tục.

- Thuê các dịch vụ hỗ trợ khác gồm: Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên; dịch vụ tích hợp, kết nối hệ thống; dịch vụ vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm... nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, hiệu quả và an toàn tuyệt đối.

- Đối với hệ thống có quy mô lớn, triển khai tập trung trên phạm vi toàn quốc, nhu cầu nhân sự cho công tác quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật là rất lớn. Việc tự tổ chức một đội ngũ kỹ thuật đủ mạnh tại Văn phòng Trung ương Đảng là thách thức đáng kể cả về số lượng, trình độ và chi phí duy trì lâu dài. Trong khi đó, phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho phép sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên hằng năm theo kế hoạch được phê duyệt, không đòi hỏi đầu tư lớn ban đầu và giảm áp lực bố trí nhân lực quản trị trực tiếp. Mô hình thuê dịch vụ còn giúp tận dụng được kinh nghiệm, công nghệ, đội ngũ kỹ thuật chuyên nghiệp và quy trình vận hành chuẩn hóa của nhà cung cấp, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, được bảo trì, nâng cấp kịp thời và xử lý sự cố nhanh chóng.

- Về thủ tục đầu tư với dự án này, phương án thuê sẽ nhanh hơn phương án đầu tư. Dự án này với quy mô đầu tư khá lớn, nên nếu theo phương án đầu tư sẽ kéo dài do phải thực hiện đầy đủ các bước từ khảo sát, lập dự án, thiết kế dự án (thiết kế 02 bước) thẩm tra, thẩm định kỹ thuật, giám sát thi công, kiểm thử phần mềm, và các thủ tục đấu thầu cho các gói thầu tư vấn, gói thầu mua sắm.

Từ đó phương án đầu tư đối với dự án này sẽ thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong 5 năm, bao gồm:

- Thuê hệ thống phần mềm thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử và triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Thuê dịch vụ tích hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói bao gồm cả hạ tầng, dịch vụ và vận hành*).

- Thuê các dịch vụ vận hành, bảo trì nâng cấp phần mềm và các dịch vụ khác theo quy định.

4.5. Giải pháp về kiểm tra, giám sát

a) Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện đúng quy trình, thống nhất, thông suốt và hiệu quả.

b) Trên cơ sở Hệ thống thông tin, tổ chức theo dõi, tổng hợp, phân tích dữ liệu về tiến độ xử lý hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn, mức độ tuân thủ quy trình, tình hình khai thác

và sử dụng hệ thống tại các cấp, làm căn cứ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền.

c) Đồng thời, xây dựng và vận hành kênh thu thập thông tin, phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; kết quả đánh giá được sử dụng để đo lường hiệu quả thực chất của Đề án, làm cơ sở điều chỉnh, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và cải cách thủ tục hành chính của Đảng trong các giai đoạn tiếp theo.

5. Kế hoạch bàn giao, tiếp nhận và quản lý hệ thống

Việc bàn giao, tiếp nhận và quản lý Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, bảo đảm hệ thống được vận hành an toàn, thông suốt và đúng mục tiêu của Đề án. Các nội dung chủ yếu gồm:

5.1. Bàn giao hệ thống từ nhà cung cấp dịch vụ

Nhà cung cấp dịch vụ (*dự kiến là các doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam*) thực hiện bàn giao hệ thống cho Chủ đầu tư và các cơ quan Đảng theo các bước:

- Kiểm tra, nghiệm thu toàn bộ chức năng của hệ thống theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình và chuẩn dữ liệu đã được phê duyệt.

- Đào tạo, chuyển giao kỹ năng vận hành cho đội ngũ cán bộ chuyên trách của Văn phòng Trung ương Đảng (Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) và các cơ quan đảng liên quan.

- Cung cấp đầy đủ bộ tài liệu kỹ thuật (*kiến trúc hệ thống, tài liệu quản trị, quy trình vận hành, cấu hình*) và tài liệu hướng dẫn sử dụng cho các nhóm đối tượng người dùng.

- Bàn giao mã nguồn hệ thống sau khi kết thúc thời gian thuê dịch vụ theo hợp đồng (*không bao gồm các module sử dụng công nghệ AI*), bảo đảm quyền chủ động về kỹ thuật và an toàn của Đảng.

5.2. Tiếp nhận và tổ chức quản lý vận hành

- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu là cơ quan đầu mối tiếp nhận hệ thống, kiểm tra việc chuyển giao, quản trị vận hành và phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn.

- Các cơ quan đảng ở Trung ương và địa phương thực hiện tiếp nhận theo phân công, bảo đảm có nhân sự được đào tạo đầy đủ để vận hành, khai thác và xử lý các tình huống kỹ thuật cơ bản.

5.3. Bảo trì, duy tu và bảo đảm an toàn hệ thống

- Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm lập và trình Chủ đầu tư kế hoạch bảo trì định kỳ 6 tháng một lần, bao gồm: Cập nhật phần mềm, bảo dưỡng và nâng cấp phần cứng, rà soát an toàn thông tin và kiểm tra bảo mật.

- Hoạt động bảo trì phải được thực hiện đúng quy trình, đúng thời gian, hạn chế tối đa việc gián đoạn hoạt động của Hệ thống; trường hợp cần bảo trì có ảnh hưởng, phải có phương án tạm thời bảo đảm dịch vụ không bị gián đoạn.

- Chủ đầu tư phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ và các đơn vị chức năng kiểm tra, giám sát chất lượng bảo trì và tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

III- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Trên cơ sở mục tiêu, phạm vi và các nội dung triển khai của Đề án, việc thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử dự kiến tạo ra những tác động quan trọng trên các phương diện về kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, thể chế và môi trường.

1. Kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội

1.1. Kinh tế

a) Tiết kiệm chi phí trực tiếp và chi phí xã hội

Việc thực hiện các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử giúp:

- Giảm đáng kể chi phí đi lại, in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy cho đảng viên, tổ chức đảng và ngân sách nhà nước.

- Cắt giảm “chi phí xã hội” thông qua việc rút ngắn thời gian chờ đợi, tiếp xúc, đi lại nhiều lần; tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên tập trung nhiều hơn cho công tác chuyên môn, nhiệm vụ chính trị.

- Giảm chi phí vận hành do chuyển từ mô hình xử lý phân tán, thủ công sang xử lý tập trung, điện tử hoá, hạn chế trùng lặp công việc giữa các cấp, các khâu.

Tham khảo định lượng đối với một nhóm thủ tục điển hình (thủ tục giới thiệu đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú), có thể ước tính như sau:

- Tại Đảng ủy cấp xã nơi đảng viên cư trú:

+ Bước lập danh sách, tiếp nhận và xử lý ban đầu nếu thực hiện trên môi trường điện tử (sử dụng dữ liệu, biểu mẫu điện tử sẵn có) giúp tiết kiệm khoảng 01 giờ công/đảng viên.

+ Giảm đáng kể việc điền lại thông tin, in ấn giấy tờ giới thiệu, thông báo, phiếu nhận xét, giúp tiết kiệm khoảng 01 giờ công/đảng viên và chi phí in ấn 03 loại giấy tờ (ước khoảng 500 đồng/giấy tờ/đảng viên).

+ Khi xử lý trực tuyến, đảng viên không phải đi lại nhiều lần để nộp, bổ sung và nhận kết quả, giảm được khoảng 08 lượt đi lại, tương đương 02 ngày công/đảng viên và chi phí đi lại khoảng 30.000 đồng/lần.

Tổng hợp các bước trên, mỗi đảng viên có thể tiết kiệm khoảng 18 giờ công (tương đương hơn 02 ngày công làm việc) cùng với chi phí in ấn và chi phí đi lại.

- Ví dụ điển hình tại Đảng bộ tỉnh Nghệ An:

+ Tỉnh Nghệ An có 28 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy với 1.422 tổ chức cơ sở đảng, tổng số 195.058 đảng viên, trong đó trên 98% đảng viên thực hiện việc giới thiệu về nơi cư trú (theo báo cáo của Tỉnh ủy Nghệ An năm 2022).

Nếu thủ tục này được thực hiện trên môi trường điện tử, tổng số giờ công tiết kiệm được hằng năm được ước tính:

$18 \text{ giờ công/đảng viên} \times 195.058 \text{ đảng viên} \times 0,98 = 3.440.823,12 \text{ giờ công.}$

Với giả định thu nhập bình quân quy đổi khoảng 48.000 đồng/giờ công, chi phí tiết kiệm được tính toán như sau:

Chi phí tiết kiệm = $18 \text{ giờ công/đảng viên} \times 48.000 \text{ đồng} \times 195.058 \text{ đảng viên} \times 0,98$

$\Rightarrow (500 \text{ đồng/giấy tờ} \times 3 \text{ loại giấy tờ} + 30.000 \text{ đồng/lần đi lại} \times 8 \text{ lần}) \times 195.058 \text{ đảng viên} \times 0,98 \approx 211.323.886.620 \text{ đồng/năm (khoảng 211 tỷ đồng/năm).}$

Con số trên mới chỉ tính riêng đối với một nhóm thủ tục, tại một tỉnh, song đã cho thấy hiệu quả kinh tế trực tiếp và chi phí xã hội tiết kiệm được là rất lớn. Khi mở rộng ra trên phạm vi toàn quốc, với hàng triệu đảng viên và nhiều nhóm thủ tục được thực hiện trên môi trường điện tử, hiệu quả tiết kiệm chi phí, thời gian và nguồn lực sẽ tăng lên gấp nhiều lần, tạo dư địa quan trọng để tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng.

b) Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực

- Việc chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình và đưa thủ tục hành chính lên môi trường điện tử giúp giảm số bước xử lý trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết, hạn chế tối đa sai sót, thất lạc, phải xử lý lại hồ sơ.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng giảm bớt khối lượng công việc hành chính thuần túy, có điều kiện dành nhiều thời gian hơn cho các nhiệm vụ tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp, kiểm tra, giám sát là những công việc có giá trị gia tăng cao đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

- Đề án góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó gián tiếp hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số ở địa phương, đơn vị.

1.2. Chính trị

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng: Việc hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành bằng các hệ thống, quy trình điện tử thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của Đảng trong ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo đối với Nhà nước và toàn xã hội.

- Tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình: Các bước xử lý thủ tục hành chính đều được ghi nhận, lưu vết trên hệ thống, cho phép truy xuất, kiểm tra, giám sát khi cần thiết.

+ Giảm thiểu nguy cơ nhũng nhiễu, tiêu cực, can thiệp không đúng thẩm quyền.

+ Góp phần tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác Đảng.

- Củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng:

+ Đảng viên ở mọi vùng miền, kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo, đảng viên cao tuổi, đảng viên đang sinh sống, làm việc ở ngoài nước có điều kiện tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ hành chính của Đảng thông qua hình thức trực tuyến.

+ Tăng cường mối liên hệ, gắn bó giữa đảng viên với tổ chức đảng, góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương và sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng.

1.3. Văn hóa - xã hội

- Hình thành văn hóa số trong Đảng: Thường xuyên sử dụng hệ thống thông tin, công cụ số trong giải quyết công việc hằng ngày sẽ tạo ra nếp làm việc khoa học, hiện đại, dựa trên dữ liệu, góp phần hình thành văn hóa số trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao chất lượng phục vụ đảng viên:

+ Thủ tục được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, ít phải tiếp xúc trực tiếp, giảm thời gian chờ đợi, đi lại.

+ Cải thiện đáng kể trải nghiệm của đảng viên khi làm việc với tổ chức đảng, phù hợp với mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ.

- Giảm khoảng cách số, bảo đảm tính bao trùm:

+ Đề án tạo cơ sở để tổ chức các chương trình hỗ trợ, đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

+ Thông qua các điểm truy cập công cộng, hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ kỹ thuật, góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền, nhóm đối tượng, bảo đảm không để đồng viên nào bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

2. Thể chế

2.1. Thúc đẩy hoàn thiện thể chế

- Việc triển khai Đề án đòi hỏi phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhiều quy định của Đảng liên quan đến thủ tục hành chính, quản lý hồ sơ, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, định danh và xác thực điện tử.

- Qua đó, hình thành hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

2.2 Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ

- Quá trình thiết kế, vận hành hệ thống bắt buộc các cơ quan, đơn vị phải rà soát, tái cấu trúc và chuẩn hóa quy trình thủ tục hành chính, loại bỏ những bước rườm rà, trùng lặp, không còn phù hợp.

- Từng bước xây dựng và áp dụng bộ quy trình chuẩn cho từng nhóm thủ tục hành chính, áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, kiểm tra, đánh giá.

2.3. Tăng cường liên thông, phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị

- Đề án thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan.

- Góp phần phá vỡ các “rào cản” về thông tin, dữ liệu và quy trình, nâng cao hiệu quả phối hợp trong xử lý công việc, nhất là đối với các thủ tục liên thông giữa nhiều cơ quan, đơn vị.

2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của Đảng

- Hệ thống thông tin, dữ liệu do Đề án hình thành là căn cứ quan trọng để tăng cường các cơ chế giám sát, đánh giá dựa trên số liệu, chỉ số, báo cáo thời gian thực.

- Hỗ trợ các cấp ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc ra quyết định kịp thời, chính xác, có cơ sở khoa học trong lãnh đạo, chỉ đạo.

3. Môi trường

3.1. Giảm thiểu sử dụng giấy, bảo vệ môi trường

- Việc chuyển đổi từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử giúp giảm mạnh khối lượng in ấn, sao chụp, lưu trữ hồ sơ, qua đó cắt giảm đáng kể lượng rác thải giấy và tiết kiệm chi phí in ấn, bảo quản, vận chuyển, điện tích kho lưu trữ.

- Quy trình điện tử hoá toàn trình các thủ tục hành chính của Đảng còn giúp hạn chế tối đa việc đi lại, giảm sử dụng phương tiện giao thông và năng lượng, góp phần giảm phát thải khí CO₂ và chi phí năng lượng gián tiếp trong hoạt động hành chính.

- Những lợi ích này góp phần thực hiện mục tiêu phát triển xanh, bền vững, phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) mà Việt Nam đã đề ra.

3.2. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên

- Đề án về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số không phát sinh hoạt động sản xuất, xây dựng hay khai thác tài nguyên, do đó không gây tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường tự nhiên.

- Trong quá trình đầu tư, xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về an toàn lao động, an toàn thông tin, an toàn thiết bị và bảo vệ môi trường.

- Quá trình đầu tư, mua sắm, lắp đặt trang thiết bị công nghệ được khuyến khích lựa chọn thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, có khả năng tái chế, tái sử dụng, phù hợp với chủ trương chuyển đổi xanh và phát triển bền vững trong hoạt động công vụ.

Việc triển khai Đề án không chỉ mang lại hiệu quả về kinh tế, chính trị và xã hội, mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển xanh, sử dụng tài nguyên tiết kiệm và bảo vệ môi trường, tạo nền tảng thuận lợi cho việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai Đề án trong giai đoạn tiếp theo.

4. Đánh giá chung

Đề án có tác động tích cực, toàn diện và sâu rộng trên nhiều phương diện:

- Về kinh tế: Đề án góp phần tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí trực tiếp và chi phí xã hội, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng nguồn lực; đồng thời thúc đẩy phát triển hạ tầng số, kỹ năng số và kinh tế số, tạo động lực lan tỏa cho các lĩnh vực khác của nền kinh tế.

- Về chính trị, văn hoá - xã hội: Đề án góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hiện đại hóa phương thức quản lý, điều hành; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời thúc đẩy hình thành văn hóa số trong Đảng, phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo trong giai đoạn mới.

- Về thể chế: Đề án là động lực quan trọng thúc đẩy hoàn thiện hành lang pháp lý, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản

trị, điều hành của Đảng, hướng tới một nền hành chính thống nhất, hiện đại, dựa trên dữ liệu.

- Về môi trường: Đề án hỗ trợ giảm mạnh việc sử dụng giấy, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải gián tiếp, góp phần bảo vệ môi trường, phát triển xanh và bền vững, phù hợp với chủ trương chuyển đổi xanh và tăng trưởng bền vững của Đảng và Nhà nước.

Việc triển khai Đề án không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội, mà còn có ý nghĩa chiến lược, lâu dài trong quá trình hiện đại hóa công tác Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo và quản trị của Đảng trên nền tảng số. Đề án góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Những tác động tích cực nêu trên khẳng định tính cấp bách, sự cần thiết và tính thuyết phục cao của việc ban hành và triển khai Đề án, đồng thời tạo động lực và cơ sở đồng thuận rộng rãi trong toàn hệ thống chính trị, các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức thực hiện.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Văn phòng Trung ương Đảng

a) Chủ trì, tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong chỉ đạo, tổ chức triển khai Đề án trên phạm vi toàn quốc bảo đảm các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án được tổ chức thực hiện thống nhất, đúng tiến độ, đúng lộ trình theo kế hoạch hằng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đảng ở Trung ương trình đồng chí Thường trực Ban Bí thư phê duyệt danh mục thủ tục hành chính được lựa chọn để cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (định kỳ hằng năm hoặc đột xuất).

c) Phối hợp với các cơ quan đảng rà soát, chuẩn hóa và sơ đồ hóa trình tự, cách thức thực hiện từng thủ tục hành chính làm cơ sở xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về các quy trình được quy định trong Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 7/11/2025; tham mưu Lãnh đạo Văn phòng về lộ trình triển khai các nhóm thủ tục hành chính cụ thể; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 7/11/2025 tại các cơ quan, đơn vị. Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

d) Chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn kỹ thuật về chuẩn dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và tiêu chuẩn liên thông giữa các cơ quan đảng và các hệ thống thông tin của Nhà nước theo Quy định số 338-QĐ/TW.

đ) Xây dựng và ban hành cơ chế giám sát độc lập, tổ chức đánh giá định kỳ hiệu quả triển khai, quy định bộ chỉ số đánh giá (*tỷ lệ thủ tục điện tử, thời gian xử lý, mức độ hài lòng, tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn,...*).

e) Quy định cơ chế báo cáo định kỳ, chế độ đôn đốc và xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm bảo đảm theo dõi, đánh giá toàn diện và kịp thời điều chỉnh.

g) Chủ trì quản lý, vận hành các hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật, thực hiện giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn cơ yếu.

h) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn sử dụng Hệ thống, xây dựng video, tài liệu trực tuyến, hỗ trợ đa nền tảng, triển khai hình thức tập huấn linh hoạt, kết hợp trực tuyến, trực tiếp, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện thực tiễn của các cấp ủy.

1.2. Các cơ quan, tổ chức Đảng

Các cơ quan Đảng ở Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy tổ chức học tập, quán triệt nội dung chuyển đổi số tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

1.2.1. Các ban đảng Trung ương

a) Chịu trách nhiệm áp dụng các quy định tại Mục II.1, Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 07/11/2025 để thực hiện đánh giá tác động, tái cấu trúc quy trình đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện việc công bố công khai thủ tục hành chính và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng quy trình, thẩm quyền và biểu mẫu đã được quy định tại Mục II.2, Hướng dẫn số 42-HD/VPTW, ngày 07/11/2025. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của nội dung thủ tục hành chính do cơ quan, đơn vị của mình chủ trì công bố.

c) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định của Đảng liên quan đến nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính, làm căn cứ triển khai trên môi trường điện tử. Việc rà soát, sửa đổi nhằm bảo đảm phù hợp với quy trình điện tử, hồ sơ điện tử, giá trị pháp lý của giao dịch điện tử và các yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.

d) Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc rà soát, đề xuất danh mục thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai.

1.2.2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

a) Tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và lộ trình triển khai các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, bảo đảm nhận thức thống nhất, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch của Đề án.

b) Tổ chức khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng, các hệ thống thông tin chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ theo đúng phân cấp, phân quyền; bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt và trả kết quả thủ tục hành chính đúng quy trình, hiệu quả và đúng quy định.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai theo chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, phản ánh khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp với Văn phòng Trung ương Đảng để kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ và bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn.

1.2.3. Các cấp Đảng uỷ tại cơ sở

a) Cấp uỷ cơ sở, đặc biệt là Bí thư chi bộ, có trách nhiệm chỉ đạo, tuyên truyền và hướng dẫn đảng viên tiếp cận, sử dụng Hệ thống thông tin thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; bảo đảm đảng viên nắm rõ quy trình, thao tác đúng và sử dụng hiệu quả các chức năng của hệ thống.

b) Cấp uỷ cơ sở tổ chức triển khai thống nhất việc thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của đảng viên; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp với cấp uỷ cấp trên nhằm bảo đảm hiệu quả thực hiện ngay từ cơ sở.

1.2.4. Đảng uỷ Công an Trung ương

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị của Bộ thực hiện bảo đảm hạ tầng và các điều kiện cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức thực hiện liên thông, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các hệ thống thông tin của cơ quan Đảng.

1.2.5. Quân uỷ Trung ương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Trung ương Đảng triển khai các giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin; hỗ trợ tổ chức triển khai hoạt động giám sát an toàn không gian mạng; kiểm tra, rà soát làm sạch mã độc, phối hợp tổ chức diễn tập phòng thủ, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

1.2.6. Đảng uỷ Chính phủ

a) Chỉ đạo triển khai nâng cấp Cổng Dịch vụ công quốc gia

Chỉ đạo Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc nâng cấp, mở rộng Công Dịch vụ công quốc gia để bảo đảm đáp ứng đầy đủ yêu cầu tích hợp, cung cấp và xử lý thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo Quy định số 338-QĐ/TW.

b) Bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện Đề án

- Chỉ đạo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí đủ và kịp thời nguồn lực tài chính phục vụ triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì quản lý, hướng dẫn, thẩm định việc triển khai các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; đồng thời hướng dẫn các cơ quan đảng thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

1.2.7. Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng trong việc bảo đảm hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng có tốc độ cao, băng thông rộng, an toàn và thông suốt; bảo đảm kết nối giữa các trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của các cơ quan đảng, đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án và phù hợp với lộ trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an trong việc kết nối, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin cho các hệ thống của Đảng đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.8. Đảng ủy Kiểm toán Nhà nước

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định quy trình, thủ tục kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong quá trình triển khai Đề án.

1.2.9. Ban Cơ yếu Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan Đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy nghiên cứu, cung cấp, triển khai nhanh chóng, kịp thời, tổ chức quản lý, giám sát các sản phẩm mật mã, giải pháp bảo mật, xác thực, an toàn thông tin của Ban Cơ yếu Chính phủ.

1.3. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

a) Chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở; liên thông, thu thập, chia sẻ thông tin giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, điều hoà phối hợp, kiểm tra, giám sát các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

c) Chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định những cơ chế, chính sách đặc biệt theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

d) Yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm cung cấp, trao đổi, làm rõ thông tin liên quan đến nhiệm vụ được giao.

đ) Căn cứ đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo) và các cơ quan liên quan, biểu dương, khen thưởng cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng có thành tích xuất sắc; phê bình, yêu cầu xử lý theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật đối với các tập thể, cá nhân có vi phạm, khuyết điểm trong công tác thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

2. Lộ trình triển khai

Đề án được triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 và dự kiến lộ trình như sau:

2.1. Giai đoạn 1: Triển khai thí điểm (Quý III/2025 đến Quý I/2026)

a) Hoàn thiện quy trình điện tử, biểu mẫu, hồ sơ pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và phần mềm; tổ chức triển khai thí điểm trên phạm vi toàn quốc 04 thủ tục hành chính của Đảng, gồm: *(1) Thu nộp đảng phí; (2) Lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ đối với đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú; (3) Chuyển sinh hoạt đảng chính thức ở trong nước; (4) Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời.*

b) Rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và biểu mẫu điện tử đối với các thủ tục hành chính dự kiến triển khai trong năm 2026, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và đáp ứng yêu cầu cung cấp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm, tổ chức đánh giá toàn diện việc thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên về mức độ đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, tính ổn định của hệ thống, khả năng khai thác, sử dụng tại các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở và các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng còn khó khăn; làm căn cứ rút kinh nghiệm, hoàn thiện và quyết định việc mở rộng phạm vi triển khai trong các giai đoạn tiếp theo.

d) Thiết kế và phát triển hệ thống lõi cho các thủ tục hành chính, bảo đảm tích hợp đầy đủ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hoàn thành kiến trúc kỹ thuật, chức năng xử lý, kết nối dữ liệu và bảo mật theo Quy định số 338-QĐ/TW.

2.2. Giai đoạn 2: Rà soát và lựa chọn triển khai các thủ tục hành chính của Đảng (Quý I/2026 đến Quý II/2027)

- Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của các cơ quan đảng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng.

- Lựa chọn triển khai các thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng cao của đảng viên, tổ chức đảng; trong đó:

+ Năm 2026: Triển khai 30 thủ tục hành chính (bao gồm 04 thủ tục hành chính đã triển khai thí điểm tại Đảng bộ Thành phố Hà Nội).

+ Năm 2027: Triển khai 16 thủ tục hành chính.

(chi tiết tại Phụ lục II gửi kèm theo)

2.2.1. Quý I/2026 đến Quý IV/2026

a) Triển khai ổn định trên phạm vi toàn quốc 04 thủ tục hành chính đã được hoàn thành trong giai đoạn thí điểm; bảo đảm vận hành thông suốt, an toàn và phù hợp với quy trình điện tử theo Quy định số 338-QĐ/TW.

b) Tổ chức tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính của Đảng, chuẩn hóa và xây dựng mới 26 thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thống nhất biểu mẫu, quy trình xử lý và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu quản lý và nhu cầu của đảng viên, tổ chức đảng.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng rộng rãi cho cán bộ, công chức, đảng viên trên toàn quốc đối với 30 thủ tục hành chính; bảo đảm nắm vững quy trình điện tử, nâng cao kỹ năng sử dụng hệ thống.

d) Triển khai đầy đủ các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với Hệ thống thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; bảo đảm tuân thủ quy định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và phương án thuê dịch vụ theo quy định hiện hành.

2.2.2. Quý I đến Quý II/2027

a) Rà soát, đánh giá quá trình triển khai 30 thủ tục hành chính đã thực hiện trong giai đoạn trước, thu thập phản hồi từ các cấp ủy, cơ quan chuyên môn và đảng viên; trên cơ sở đó cải tiến, hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình điện tử, biểu mẫu và chức năng kỹ thuật của hệ thống.

b) Tổ chức tái cấu trúc quy trình, chuẩn hóa và xây dựng mới 16 thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, thống nhất biểu mẫu, quy trình xử lý và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định; bảo đảm phù hợp yêu cầu quản lý và nhu cầu thực tiễn của đảng viên, tổ chức đảng.

c) Tổ chức các đợt tập huấn và hướng dẫn sử dụng trên phạm vi toàn quốc đối với 16 thủ tục hành chính mới, bảo đảm cán bộ, công chức và đảng viên nắm vững quy trình điện tử, kỹ năng sử dụng hệ thống và trách nhiệm trong từng khâu xử lý.

d) Bảo đảm hệ thống hoạt động liên thông, đồng bộ giữa các cấp ủy, cơ quan đảng trên toàn quốc và kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia; duy trì

ổn định hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và chất lượng dịch vụ trong suốt quá trình mở rộng triển khai.

2.3. Giai đoạn 3: Tiếp tục rà soát, bổ sung, lựa chọn triển khai các thủ tục hành chính (Quý III/2027 đến năm 2030)

a) Rà soát, đánh giá việc triển khai 16 thủ tục hành chính đã thực hiện ở giai đoạn trước, thu thập phản hồi của các cấp ủy, cơ quan chuyên môn và đảng viên; trên cơ sở đó tiếp tục cải tiến, hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình điện tử, biểu mẫu và chức năng kỹ thuật của hệ thống.

b) Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc và đề xuất bổ sung các thủ tục hành chính khác đủ điều kiện đưa lên hệ thống khi có nhu cầu và cơ sở pháp lý, kỹ thuật phù hợp; hướng tới mục tiêu số hóa đồng bộ, toàn diện các thủ tục hành chính của Đảng theo lộ trình của Đề án và yêu cầu thực tiễn.

c) Bảo đảm hệ thống vận hành liên thông, đồng bộ giữa các cấp ủy, cơ quan đảng trên toàn quốc và kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia; duy trì ổn định hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin trong quá trình mở rộng.

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM 04
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Hiện trạng về hệ thống thủ tục hành chính đang triển khai

- Phạm vi triển khai: Các cơ quan Đảng thuộc Thành phố Hà Nội.
- Đối tượng triển khai: Các Đảng viên, Bí Thư, Phó Bí thư phụ trách Đảng Bộ chi bộ cơ sở, Chi bộ thôn cụm dân cư.
- Số thủ tục hành chính triển khai:

TT	Danh sách các thủ tục hành chính của Đảng	Văn bản tham chiếu
1	Thủ tục thu nộp đảng phí	Quy định thi hành Điều lệ Đảng (Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025).
2	Thủ tục lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ đối với đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú	Quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú (Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020).
3	Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức ở trong nước	Quy định thi hành Điều lệ Đảng (Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025).
4	Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng tạm thời	

- Tích hợp với hệ thống ngoài:

+ Hệ thống đã tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện tra cứu tìm kiếm thông tin nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia sau đó SSO về biểu mẫu nộp hồ sơ thủ tục hành chính của Đảng.

+ Tích hợp với cơ sở dữ liệu đảng viên của HNI.

+ Tích hợp với nền tảng thanh toán trên cổng Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Về hạ tầng phục vụ triển khai hệ thống

- Cấu hình hạ tầng hiện tại: Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Đảng vận hành trong phạm vi Thành phố Hà Nội hiện đang được cài đặt, vận hành trên 03 máy chủ vật lý như sau:

STT	Tên thiết bị	Hãng/ model/ Số sê-ri	Thông số kỹ thuật	Số lượng	OS/Các ứng dụng cài đặt
1	HPE (máy chủ ứng dụng)	Device name WIN-DQEA36LQ28I Device ID 68928D1 A-ADE6-486F-92BB-C498D7F887A5 Product ID 00492-90000-00001-AA118	CPU: Intel(R) Xeon(R) Gold 6416H 2.20 GHz (4 processors)- RAM: 96GB RDIMM- SSD 1: 250GB, SSD 2: 500GB	1	Máy chủ đã được cài đặt Hệ điều hành Windows Server 2025, các phần mềm nền tảng gồm .NET core framework 6.0, phần mềm môi trường IIS Webserver (kèm theo windows) và phân hệ Dịch vụ công trực tuyến của Đảng (Gồm 02 web application trên IIS Webserver: Front-End cho đảng viên, Back-End cho tổ chức, cơ sở đảng) Thư mục cài đặt 02 web application: FE: E:\HIPT\PUBLISH\FEBE: E:\HIPT\PUBLISH\BE
2	HPE (máy chủ cơ sở dữ liệu)	CN794604QF	- Ram: 94GB - HDD: 750GB	1	Máy chủ đã được cài đặt Hệ điều hành Redhat Enterprise 7.9 và cơ sở dữ liệu của phân hệ dịch vụ công trực tuyến của Đảng (trên Oracle 19c)
3	Server SS	1	Máy chủ SS Server cài đặt làm máy chủ bảo mật, trung gian kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng với công		

- Đánh giá về hạ tầng triển khai: Đáp ứng triển khai thử nghiệm tại Thành phố Hà Nội, trường hợp triển khai mở rộng cần bổ sung thêm hạ tầng.

3. Tiến độ triển khai

3.1. Thống kê tiến độ triển khai

Thống kê tài khoản và giao dịch trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng:

- Hệ thống đã ghi nhận **470.051/490.000** đảng viên đăng ký tài khoản sử dụng hệ thống dịch vụ công của Đảng đạt **95,6%**.

- Tổng số giao dịch nộp đảng phí trực tuyến trên hệ thống là **802.527** giao dịch, với tổng số tiền đảng phí đã nộp là **103** tỷ đồng.

- Tổng số lấy xác nhận đảng viên hai chiều là trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng là **17.866** phiếu.

- Tổng số hồ sơ yêu cầu chuyển sinh hoạt đảng trên hệ thống bao gồm cả chính thức và tạm thời là **2.637** hồ sơ (*hồ sơ gốc vẫn thực hiện luân chuyển theo phương pháp truyền thống*).

3.2. Kết quả khai báo Tài khoản Ngân hàng tại các Chi bộ

Tổng số tài khoản ngân hàng phải tạo của các cấp Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc là **19.906** tài khoản, trong đó:

- Đã có **7.381** tổ chức khai báo tài khoản nhận tiền phân bổ hợp lệ.
- Có **185** tổ chức đã khai báo tài khoản nhận tiền phân bổ không hợp lệ.
- Còn lại **12.340** tổ chức chưa thực hiện khai báo tài khoản nhận tiền phân bổ (*đề nghị Văn phòng Thành ủy chủ trì phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công đơn đốc các đơn vị khẩn trương hoàn thành trong tháng 11/2025*).

Chi tiết tiến độ triển khai theo các cơ quan, đơn vị Mục 5.

3.3. Kế hoạch triển khai các thủ tục hành chính tiếp theo

- Trong năm 2025 sẽ triển khai 04 thủ tục hành chính phủ hết phạm vi của Thành phố Hà Nội.

- Các thủ tục hành chính khác triển khai cùng với kế hoạch triển khai theo Đề án thủ tục hành chính của Văn phòng Trung ương Đảng.

4. Các vấn đề còn tồn tại

- Thông tin số thẻ đảng trên hệ thống đang tồn tại nhiều trường hợp bị trùng, chưa thực hiện cập nhật theo mẫu 12 số mới. Chưa có phương hướng xử lý đối với đảng viên bị sai thông tin tài khoản.

- Nhiều phản ánh từ người dùng xuất phát từ việc phạm vi thí điểm của 04 dịch vụ công đang bị hạn chế dẫn tới không thể thực hiện dịch vụ công.

- Hệ thống quản lý thu, nộp đảng phí chưa thực hiện được luồng nghiệp vụ phân bổ đảng phí đối với các tổ chức đảng cấp dưới theo đúng quy định.

- Chưa có quy trình đồng bộ dữ liệu toàn hệ thống sau khi thực hiện dịch vụ công như: đồng bộ đơn vị sinh hoạt đảng mới; chuyển đơn vị thụ hưởng đảng phí khi chuyển sinh hoạt đảng; ngưng phát sinh/đánh dấu trạng thái đảng viên trong trường hợp bị kỷ luật, chết, miễn sinh hoạt.

5. Thống kê tiến độ triển khai

5.1. Tại xã, phường

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
1	Đảng uỷ phường Hoàn Kiếm	257	71	27,63%	0	0,00%
2	Đảng uỷ phường Cửa Nam	240	126	52,50%	51	21,25%
3	Đảng uỷ phường Ba Đình	121	70	57,85%	21	17,36%
4	Đảng uỷ phường Ngọc Hà	160	113	70,63%	74	46,25%
5	Đảng uỷ phường Giảng Võ	157	68	43,31%	19	12,10%
6	Đảng uỷ phường Hai Bà Trưng	350	197	56,29%	107	30,57%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
7	Đảng bộ phường Vĩnh Tuy	164	61	37,20%	19	11,59%
8	Đảng uỷ phường Bạch Mai	200	130	65,00%	46	23,00%
9	Đảng uỷ phường Đồng Đa	144	45	31,25%	24	16,67%
10	Đảng uỷ phường Kim Liên	290	32	11,03%	6	2,07%
11	Đảng uỷ phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	167	6	3,59%	2	1,20%
12	Đảng uỷ phường Láng	250	2	0,80%	0	0,00%
13	Đảng uỷ phường Ô Chợ Dừa	171	22	12,87%	1	0,58%
14	Đảng uỷ phường Hồng Hà	171	126	73,68%	37	21,64%
15	Đảng uỷ phường Lĩnh Nam	35	28	80,00%	27	77,14%
16	Đảng uỷ phường Hoàng Mai	102	73	71,57%	44	43,14%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
17	Đảng uỷ phường Vĩnh Hung	71	64	90,14%	27	38,03%
18	Đảng uỷ phường Tương Mai	190	37	19,47%	0	0,00%
19	Đảng uỷ phường Định Công	83	1	1,20%	0	0,00%
20	Đảng uỷ phường Hoàng Liệt	58	1	1,72%	0	0,00%
21	Đảng uỷ phường Yên Sở	72	67	93,06%	40	55,56%
22	Đảng uỷ phường Thanh Xuân	162	24	14,81%	6	3,70%
23	Đảng uỷ phường Khương Đình	123	8	6,50%	0	0,00%
24	Đảng uỷ phường Phương Liệt	118	36	30,51%	0	0,00%
25	Đảng uỷ phường Cầu Giấy	220	121	55,00%	25	11,36%
26	Đảng uỷ phường Nghĩa Đô	192	8	4,17%	0	0,00%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
27	Đảng bộ phường Yên Hòa	203	130	64,04%	69	33,99%
28	Đảng uỷ phường Tây Hồ	162	156	96,30%	143	88,27%
29	Đảng uỷ phường Phú Thượng	63	56	88,89%	40	63,49%
30	Đảng uỷ phường Tây Tựu	65	2	3,08%	0	0,00%
31	Đảng uỷ phường Phú Diễn	133	8	6,02%	0	0,00%
32	Đảng uỷ phường Xuân Đỉnh	88	46	52,27%	18	20,45%
33	Đảng uỷ phường Đông Ngạc	108	1	0,93%	0	0,00%
34	Đảng uỷ phường Thượng Cát	52	3	5,77%	0	0,00%
35	Đảng uỷ phường Từ Liêm	223	131	58,74%	54	24,22%
36	Đảng uỷ phường Xuân Phương	101	12	11,88%	1	0,99%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
37	Đảng uỷ phường Tây Mỗ	54	43	79,63%	27	50,00%
38	Đảng uỷ phường Đại Mỗ	143	71	49,65%	10	6,99%
39	Đảng uỷ phường Long Biên	82	73	89,02%	43	52,44%
40	Đảng uỷ phường Bò Đè	187	128	68,45%	44	23,53%
41	Đảng uỷ phường Việt Hung	189	174	92,06%	149	78,84%
42	Đảng uỷ phường Phúc Lợi	152	127	83,55%	6	3,95%
43	Đảng uỷ phường Hà Đông	348	113	32,47%	18	5,17%
44	Đảng uỷ phường Dương Nội	84	0	0,00%	0	0,00%
45	Đảng bộ phường Yên Nghĩa	75	3	4,00%	0	0,00%
46	Đảng uỷ phường Phú Lương	74	64	86,49%	42	56,76%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
47	Đảng uỷ phường Kiến Hưng	85	73	85,88%	15	17,65%
48	Đảng uỷ xã Thanh Trì	84	64	76,19%	46	54,76%
49	Đảng uỷ xã Đại Thanh	80	69	86,25%	31	38,75%
50	Đảng uỷ xã Nam Phù	59	50	84,75%	36	61,02%
51	Đảng uỷ xã Ngọc Hồi	66	59	89,39%	41	62,12%
52	Đảng uỷ phường Thanh Liệt	134	39	29,10%	0	0,00%
53	Đảng uỷ xã Thượng Phúc	82	4	4,88%	0	0,00%
54	Đảng uỷ xã Thường Tín	146	5	3,42%	4	2,74%
55	Đảng uỷ xã Chương Dương	81	68	83,95%	12	14,81%
56	Đảng uỷ xã Hồng Vân	87	68	78,16%	47	54,02%
57	Đảng uỷ xã Phú Xuyên	144	98	68,06%	70	48,61%
58	Đảng uỷ xã Phượng Dực	86	79	91,86%	73	84,88%
59	Đảng uỷ xã Chuyên Mỹ	72	56	77,78%	27	37,50%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đăng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đăng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
60	Đảng bộ xã Đại Xuyên	110	81	73,64%	55	50,00%
61	Đảng uỷ xã Thanh Oai	91	26	28,57%	9	9,89%
62	Đảng uỷ xã Bình Minh	101	0	0,00%	0	0,00%
63	Đảng uỷ xã Tam Hưng	66	5	7,58%	0	0,00%
64	Đảng uỷ xã Dân Hòa	85	43	50,59%	27	31,76%
65	Đảng uỷ xã Vân Đình	87	85	97,70%	75	86,21%
66	Đảng uỷ xã Ứng Thiên	71	59	83,10%	43	60,56%
67	Đảng uỷ xã Hòa Xá	80	75	93,75%	71	88,75%
68	Đảng uỷ xã Ứng Hòa	103	105	101,94%	97	94,17%
69	Đảng uỷ xã Mỹ Đức	83	78	93,98%	78	93,98%
70	Đảng uỷ xã Hồng Sơn	81	72	88,89%	51	62,96%
71	Đảng uỷ xã Phúc Sơn	84	67	79,76%	45	53,57%
72	Đảng uỷ xã Hương Sơn	67	67	100,00%	34	50,75%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
73	Đảng uỷ phường Chương Mỹ	135	117	86,67%	104	77,04%
74	Đảng uỷ xã Phú Nghĩa	82	76	92,68%	61	74,39%
75	Đảng uỷ xã Xuân Mai	90	75	83,33%	51	56,67%
76	Đảng uỷ xã Trần Phú	71	60	84,51%	31	43,66%
77	Đảng uỷ xã Hòa Phú	80	56	70,00%	47	58,75%
78	Đảng uỷ xã Quảng Bị	72	52	72,22%	20	27,78%
79	Đảng uỷ xã Minh Châu	11	10	90,91%	10	90,91%
80	Đảng uỷ xã Quảng Oai	121	115	95,04%	103	85,12%
81	Đảng uỷ xã Vật Lại	88	75	85,23%	6	6,82%
82	Đảng uỷ xã Cổ Đô	79	71	89,87%	37	46,84%
83	Đảng uỷ xã Bất Bạt	61	55	90,16%	26	42,62%
84	Đảng uỷ xã Suối Hai	68	55	80,88%	30	44,12%
85	Đảng uỷ xã Ba Vị	62	20	32,26%	0	0,00%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
86	Đảng uỷ xã Yên Bài	60	51	85,00%	29	48,33%
87	Đảng uỷ phường Sơn Tây	155	148	95,48%	124	80,00%
88	Đảng uỷ phường Tùng Thiện	75	63	84,00%	39	52,00%
89	Đảng uỷ xã Đoài Phương	70	63	90,00%	37	52,86%
90	Đảng uỷ xã Phúc Thọ	138	121	87,68%	99	71,74%
91	Đảng uỷ xã Phúc Lộc	114	106	92,98%	80	70,18%
92	Đảng uỷ xã Hát Môn	115	78	67,83%	8	6,96%
93	Đảng uỷ xã Thạch Thất	95	89	93,68%	69	72,63%
94	Đảng uỷ xã Hạ Bằng	76	3	3,95%	0	0,00%
95	Đảng uỷ xã Tây Phương	110	103	93,64%	28	25,45%
96	Đảng uỷ xã Hòa Lạc	47	13	27,66%	1	2,13%
97	Đảng uỷ xã Yên Xuân	62	29	46,77%	8	12,90%
98	Đảng uỷ xã Quốc Oai	90	85	94,44%	73	81,11%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
99	Đảng uỷ xã Hưng Đạo	62	57	91,94%	50	80,65%
100	Đảng uỷ xã Kiều Phú	78	70	89,74%	50	64,10%
101	Đảng uỷ xã Phú Cát	68	57	83,82%	50	73,53%
102	Đảng bộ xã Hoài Đức	106	89	83,96%	74	69,81%
103	Đảng uỷ xã Dương Hòa	95	87	91,58%	79	83,16%
104	Đảng uỷ xã Sơn Đồng	86	67	77,91%	36	41,86%
105	Đảng uỷ xã An Khánh	96	84	87,50%	57	59,38%
106	Đảng uỷ xã Đan Phượng	107	92	85,98%	80	74,77%
107	Đảng uỷ xã Ô Diên	126	5	3,97%	0	0,00%
108	Đảng bộ xã Liên Minh	81	57	70,37%	25	30,86%
109	Đảng bộ xã Gia Lâm	105	101	96,19%	93	88,57%
110	Đảng uỷ xã Thuận An	88	82	93,18%	65	73,86%
111	Đảng uỷ xã Bát Tràng	68	63	92,65%	49	72,06%
112	Đảng bộ xã Phù Đổng	134	126	94,03%	77	57,46%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
113	Đảng uỷ xã Thư Lâm	155	2	1,29%	0	0,00%
114	Đảng uỷ xã Đông Anh	178	13	7,30%	0	0,00%
115	Đảng uỷ xã Phúc Thịnh	132	9	6,82%	0	0,00%
116	Đảng uỷ xã Mê Linh	74	52	70,27%	42	56,76%
117	Đảng uỷ xã Vĩnh Thanh	47	2	4,26%	0	0,00%
118	Đảng uỷ xã Thiên Lộc	80	73	91,25%	53	66,25%
119	Đảng uỷ xã Yên Lãng	83	41	49,40%	33	39,76%
120	Đảng uỷ xã Tiến Thắng	73	38	52,05%	23	31,51%
121	Đảng uỷ xã Quang Minh	107	96	89,72%	90	84,11%
122	Đảng uỷ xã Sóc Sơn	172	119	69,19%	70	40,70%
123	Đảng bộ xã Đa Phúc	81	78	96,30%	70	86,42%
124	Đảng uỷ xã Nội Bãi	86	41	47,67%	16	18,60%
125	Đảng uỷ xã Trung Giã	79	69	87,34%	65	82,28%
126	Đảng uỷ xã Kim Anh	92	58	63,04%	39	42,39%

TT	Tên Đảng uỷ	Tổng chi bộ	Chi bộ đã có đảng viên đăng kí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng	Chi bộ có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành/Tổng
Tổng cộng		14135	7890	55,82%	4634	32,78%

5.2. Tại sở, ban, ngành

TT	Tên Đảng uỷ	Mã Đảng bộ	Tổng chi bộ	Có đảng viên khai báo	Tỉ lệ hoàn thành	Có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành
1	Đảng uỷ Công an thành phố Hà Nội	A26.11	360	0	0,00%	0	0,00%
2	Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Thủ đô	A26.12	183	0	0,00%	0	0,00%
3	Đảng uỷ Cục thuế Hà Nội	A26.13	112	0	0,00%	0	0,00%
4	Đảng uỷ Chi cục Hải quan khu vực I	A26.14	27	2	7,41%	0	0,00%
5	Đảng uỷ các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội	A26.28	183	105	57,38%	51	27,87%
6	Đảng uỷ UBND thành phố Hà Nội	A26.29	1281	589	45,98%	390	30,44%
Tổng cộng			2146	696	32,43%	441	20,55%

5.3. Tại doanh nghiệp

TT	Tên Đảng bộ	Mã Đảng bộ	Tổng chi bộ	Có đảng viên khai báo	Tỉ lệ hoàn thành	Có đảng viên nộp Đảng phí	Tỉ lệ hoàn thành
1	Đảng ủy Các Trường ĐH - CĐ Hà Nội	A26.10	1382	1306	94,50%	1068	77,28%
2	Đảng ủy VNPT Hà Nội	A26.16	162	113	69,75%	96	59,26%
3	Đảng ủy Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	A26.19	79	43	54,43%	0	0,00%
4	Đảng ủy Tổng Công ty Điện lực Thành phố	A26.22	130	123	94,62%	123	94,62%
5	Đảng ủy Bưu điện Thành phố Hà Nội	A26.24	48	19	39,58%	1	2,08%
6	Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội	A26.26	169	154	91,12%	98	57,99%
Tổng cộng			1970	1758	89,24%	1386	70,36%

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐẢNG THEO ĐỀ ÁN

STT	Tên thủ tục hành chính của Đảng	Đối tượng
1	Giới thiệu và kết nạp người vào Đảng	Đảng viên
2	Xét công nhận đảng viên chính thức	Đảng viên
3	Chuyển sinh hoạt đảng chính thức	Đảng viên
4	Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời	Đảng viên
5	Kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời	Đảng viên
6	Chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước	Đảng viên
7	Chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển giao, thành lập mới, chia tách, sáp nhập chi bộ, đảng bộ	Tổ chức Đảng
8	Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, bị giải thể	Tổ chức Đảng
9	Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng	Đảng viên
10	Gia hạn thời gian xin tạm miễn sinh hoạt Đảng.	Đảng viên
11	Xóa tên đảng viên	Đảng viên
12	Gửi đơn khiếu nại về việc xóa tên đảng viên.	Đảng viên
13	Giải quyết khiếu nại về xóa tên đảng viên	Đảng viên
14	Thu nộp đảng phí	Đảng viên
15	Khai và chứng nhận lý lịch của người xin vào Đảng	Đảng viên
16	Thẩm tra, xác minh lý lịch của người xin vào Đảng	Đảng viên
17	Khai lý lịch đảng viên (sau khi được kết nạp vào Đảng)	Đảng viên
18	Khai phiếu đảng viên	Đảng viên
19	Khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên	Đảng viên
20	Giải quyết trường hợp kết nạp người vào Đảng hoặc công nhận đảng viên chính thức sai quy định	Đảng viên
21	Xin giấy xác nhận đảng viên để làm thủ tục hành chính (ví dụ: công chứng, thừa kế đất đai).	Đảng viên
22	Đề nghị cấp Giấy xác nhận tuổi Đảng.	Đảng viên
23	Đề nghị cấp mới thẻ đảng	Đảng viên
24	Đề nghị cấp lại thẻ đảng viên do hỏng hoặc mất	Đảng viên
25	Đề nghị cấp đổi thẻ đảng viên	Đảng viên
26	Khôi phục hồ sơ đảng viên bị mất	Đảng viên

STT	Tên thủ tục hành chính của Đảng	Đối tượng
27	Tặng Huy hiệu Đảng	Tổ chức Đảng
28	Đề nghị xét cấp lại huy hiệu Đảng (do bị mất).	Đảng viên
29	Xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên	Tổ chức Đảng
30	Phân công công tác cho đảng viên	Đảng viên
31	Thanh lý các tài liệu không còn giá trị sử dụng	Tổ chức Đảng
32	Lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ nơi cư trú đối với đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú	Đảng viên
33	Khắc mới con dấu	Tổ chức Đảng
34	Khắc đổi con dấu	Tổ chức Đảng
35	Khắc lại con dấu	Tổ chức Đảng
36	Cấp lại giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu	Tổ chức Đảng
37	Thu hồi con dấu	Tổ chức Đảng
38	Xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm	Đảng viên và Tổ chức Đảng
39	Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng	Tổ chức Đảng
40	Cử đảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	Đảng viên
41	Kiểm tra chuyên đề	Tổ chức Đảng
42	Giám sát chuyên đề	Tổ chức Đảng
43	Theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra, giám sát chuyên đề	Tổ chức Đảng
44	Đánh giá xếp loại tổ chức đảng	Tổ chức Đảng
45	Đánh giá xếp loại đảng viên	Đảng viên
46	Thủ tục Thu-nộp Đảng phí	Đảng viên và Tổ chức Đảng
...	<i>{Trong quá trình triển khai sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật, đề xuất các thủ tục hành chính của Đảng ...}</i>	

